

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG

-----***-----

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16

ĐỊA ĐIỂM: THÔN CHÙA, XÃ TÂY TRẠCH, HUYỆN
BÓ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

QUẢNG BÌNH, NĂM 2024

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư:

- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung
- Địa chỉ: Thôn 5, xã Phú Định, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Mã số thuế: 3100945949
- Đại diện pháp luật: Cao Bảo Ngọc. Chức vụ: Giám đốc

1.2. Tên dự án đầu tư: Cửa hàng Xăng dầu số 16

* *Địa điểm thực hiện:* Đường liên xã Hoàn Lão – Phú Định, thôn Chùa, xã Tây Trạch, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình có vị trí ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông giáp đất Nhà văn hoá thôn Chùa.
- Phía Nam giáp đất trồng lúa.
- Phía Tây giáp đất trồng cây lâu năm.
- Phía Bắc giáp đường liên xã.

Được giới hạn bởi 9 điểm mốc theo tim đường từ A đến L có tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106^0 , múi chiều 30 như sau:

Bảng 1.1. Bảng thống kê tọa độ khu vực dự án

Mốc	X(m)	Y(m)
A	1944684.81	553059.29
B	1944713.22	553118.5
C	1944687.21	553124.65
D	1944687.89	553118.3
E	1944687.98	553099.33
F	1944686.19	553090.09
I	1944682.93	553080.69
K	1944680.99	553073.48
L	1944679.81	553061.47



Hình 1.1. Vị trí thực hiện dự án

** Hiện trạng quản lý và sử dụng đất của dự án.*

Khu vực Dự án có diện tích 919,6 m², hiện là bãi đất trống, trước đây là đất trồng cây hàng năm khác (BHK) và đất đường giao thông (DGT) nằm trên các thửa đất số 666, 667, 668, 104, 105, 106, 365 - tờ bản đồ số 14 thuộc thôn Chùa xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Khu vực này đã được chuyển nhượng cho Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp xăng dầu Việt Trung quản lý và đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất 2023 sang đất thương mại dịch vụ.

** Các đối tượng kinh tế - xã hội:*

- *Hệ thống giao thông:* Phía Bắc khu vực dự án giáp với tuyến đường liên xã quy hoạch 22,5m; phía Đông giáp với nhà văn hoá thôn Chùa. Tạo điều kiện giao thông rất thuận lợi cho quá trình triển khai thi công và khi dự án đi vào hoạt động.

- *Hệ thống cấp nước:* Khu vực thực hiện Dự án hiện tại chưa có hệ thống cấp nước, Dự án sử dụng hệ thống giếng khơi, giếng khoan để cấp nước đến bể chứa nước, sử dụng hệ thống các tuyến ống cấp nước để cấp đến các công trình trong các khu chức năng.

- *Hệ thống cấp điện:* Nguồn cấp điện được đấu nối với nguồn điện hiện có chạy theo tuyến đường liên xã quy hoạch rộng 22,5m ở phía Bắc Dự án. Sử dụng

hệ thống đường dây 0,4KV để cấp điện cho các công trình trong các khu chức năng.

- Dự án nằm trong khu vực dân cư, với mật độ dân cư tương đối đông đúc.
- Cách dự án 500m về phía Tây có trường THCS Tây Trạch.
- Cách dự án 1000m về phía Tây là UBND xã Tây Trạch.

** Các đối tượng tự nhiên:*

- *Mạng lưới sông suối:* Cách dự án về phía Bắc khoảng 600m có sông Trước và cách dự án về phía Đông khoảng 1200m có sông Phường Bún, chuyên cung cấp nước cho hoạt động thủy lợi trong khu vực.

- *Hệ thống rừng, khu dự trữ sinh quyển:* xung quanh khu vực thực hiện dự án hiện nay chủ yếu là diện tích đất ở, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng lúa. Không có diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng tự nhiên. Trong phạm vi 5,0km từ dự án cũng không có khu bảo tồn, rừng nguyên sinh,...

** Quy mô của dự án:*

- Diện tích sử dụng đất: 919,6 m²
- Địa điểm đầu tư: Đường liên xã Hoàn Lão – Phú Định, thôn Chùa, xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Tổng vốn đầu tư: 6.300 triệu đồng (Sáu tỷ ba trăm triệu đồng chẵn).
- Nguồn vốn: Vốn tự có của chủ dự án (chiếm 50%) và vốn vay thương mại (chiếm 50%)
- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C (Dự án thuộc lĩnh vực xây dựng dân dụng có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng).

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:

1.3.1. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:

Dự án Cửa hàng xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung hoạt động với mục đích buôn bán – cung cấp xăng dầu và các sản phẩm xăng dầu với người tiêu dùng. Do đó dự án không có tiến hành các hoạt động sản xuất ra sản phẩm nên không có những loại hình sau:

- Không có công nghệ sản xuất
- Không có công suất sản xuất
- Không có nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra
- Giá trị kinh tế của Dự án là thông thương hàng hoá

1.3.2. Quy mô dự án:

Khu vực lập Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 có cơ cấu tổ chức các khu chức năng như sau:

Bảng 1.2. Bảng tổng hợp chức năng sử dụng đất.

TT	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa (tầng)
1	MCCB	Mái che cột bơm	243,0	26,4	2
2	NĐH	Nhà điều hành bán hàng	109,9	12,0	
3	NVS	Nhà vệ sinh	20,0	2,2	
4	BCXD	Khu bể chứa xăng dầu	30,0	3,3	
5	BCCC	Bể cát phòng cháy chữa cháy	9,0	1,0	
6	BNCC	Bể nước phòng cháy chữa cháy	9,0	1,0	
7	BXLXD	Bể xử lý xăng dầu	6,0	0,7	
8	ĐCX	Cây xanh	71,2	7,7	
9	SBBT	Sân bãi bê tông	421,5	45,8	
		Tổng cộng	919,6	100,00	

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.

1.4.1 Nhu cầu nguyên, vật liệu sử dụng trong quá trình xây dựng:

Dự án là công trình được xây dựng mới, ưu tiên sử dụng vật liệu xây dựng tại địa phương. Khối lượng nguyên vật liệu cơ bản dự kiến sử dụng xây dựng công trình:

Bảng 1.3. Khối lượng nguyên vật liệu

TT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Cát vàng	m ³	174	Chánh Hòa
2	Đá các loại	m ³	106	Phước Trạch
3	Xi măng	tấn	27	TT Hoàn Lão
4	Thép	tấn	5	TT Hoàn Lão
5	Gạch	m ³	112	TT Hoàn Lão

Ghi chú: Ước tính từ dự toán công trình và tham khảo các dự án tương tự trên địa bàn tỉnh

1.4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Xăng dầu: Tại các cửa hàng, trong khu vực và được vận chuyển về công trường bằng xe chuyên dụng. Tại công trường, nhiên liệu được bảo quản trong các bồn chứa dầu.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện cung cấp cho hoạt động thi công và đưa vào hoạt động dự án đều được lấy nguồn từ TBA của khu dân cư hiện có để cấp điện. Từ lưới điện 0,4KV dọc theo tuyến đường Liên xã xây dựng hệ thống đường dây 0,4kv dọc theo vỉa hè các tuyến đường quy hoạch để cấp điện cho công trình.

1.4.4. Nhu cầu sử dụng nước

a, Trong quá trình thi công xây dựng

Dự án dự kiến sử dụng khoảng 20 công nhân lao động làm việc trên công trường. Hoạt động sinh hoạt và vệ sinh cá nhân của số cán bộ, công nhân này làm phát sinh một lượng nước thải tại khu lán trại của công nhân. Theo TCVN 33-2006 về Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế thì đối với khu vực thị trấn, tiêu chuẩn cấp nước 80 - 150 lít/người/ngày, chọn định mức cấp nước cho công nhân trong gian đoạn thi công xây dựng là 100 lít/người/ngày. Với số lượng công nhân như trên thì tổng lượng nước sinh hoạt cần sử dụng là khoảng 2,0 m³/ngày.

Nguồn cung cấp nước cho giai đoạn thi công do đơn vị thi công tự cung cấp, cụ thể:

+ Nước uống: Từ các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn.

+ Nước sinh hoạt của công nhân, nước phục vụ cho hoạt động thi công, nước tưới đường: Sử dụng xe bồn chứa nước, mua lại nước của người dân sinh sống gần khu vực dự án.

b. Trong quá trình dự án hoạt động

Căn cứ vào các hạng mục của Dự án, Ước tính nhu cầu sử dụng nước khu vực Dự án như sau:

Bảng 1.4. Quy mô cấp nước

TT	Các đối tượng dùng nước	Quy mô	Đơn vị	Tiêu chuẩn cấp nước (lít/ngày)	Lượng nước (m ³ /ngđ)
1	Nhân viên cửa hàng	10	người	100	1,00
2	Khách hàng	20	Người	10	0,2
3	Tưới cây	71,2	m ²	1.5	0,11

4	Rửa đường	421,5	m ²	3	1,26
5	Tổng cộng				2,57
6	Nhu cầu dùng nước lớn nhất			K=1.2	3,1

Như vậy, tổng lưu lượng nước sinh hoạt tính toán cho ngày dùng nước lớn nhất ước tính là 3,1 m³/ngđ.

Hiện tại khu vực Dự án chưa có hệ thống cấp nước sạch chung, vì vậy trước mắt chủ Dự án sẽ sử dụng nước giếng khoan sau đó đưa đến bể chứa nước, sử dụng hệ thống các tuyến ống cấp nước để cấp đến các công trình trong các khu chức năng. Thiết kế mạng lưới đường ống D110 chờ đầu nối với hệ thống thoát nước chung dọc tuyến đường Liên xã sau khi hệ thống này được đầu tư xây dựng.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

Dự án Cửa hàng Xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung phù hợp với chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình nói chung và của huyện Bố Trạch nói riêng, cụ thể như sau:

+ Phù hợp với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Bình đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình;

+ Phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bố Trạch được phê duyệt tại Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 03/03/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình;

+ Phù hợp với điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bố Trạch được phê duyệt tại Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình.

- Về lĩnh vực quốc phòng: Vị trí đề xuất lập dự án đầu tư không nằm trong đất quốc phòng, không có công trình quốc phòng dự kiến triển khai và địa hình có giá trị về lĩnh vực quốc phòng được quy định tại Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quy hoạch phát triển KT-XH: Việc triển khai đầu tư xây dựng Cửa hàng Xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung là phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội, phù hợp với Quy hoạch chung, quy hoạch ngành, đáp ứng nhu cầu của Nhà đầu tư, giải quyết lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương

- Về mặt chủ trương, dự án hoàn toàn phù hợp với Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Cửa hàng Xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung và điều chỉnh chủ trương tại Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Cửa hàng Xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung.

2.2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án được thực hiện tại xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình: Hiện tại khu vực này chưa có đánh giá khả năng chịu tải của cơ quan có thẩm quyền quy định.

Vị trí thực hiện dự án, theo kết quả quan trắc chất lượng môi trường nền của dự án tại thời điểm tháng 12/2023 thì chất lượng môi trường không khí tại khu vực thực hiện dự án nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT

Theo tính toán tại mục 4.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải, nước thải phát sinh từ dự án tối đa 4,36 m³/ngày.đêm (Trong đó: có 0,96 m³ nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày và 3,4 m³ là nước thải nhiễm dầu phát sinh không thường xuyên), 2 loại nước thải này sẽ được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại và bể tách lọc dầu inox SUS304 (có 02 lớp lọc tách dầu) sau đó dẫn về mô đun XLNT sử dụng công nghệ màng lọc MBR. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải kho và cửa hàng xăng dầu, áp dụng đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe và sẽ được thoát ra mương đất phía Nam dự án có kích thước rộng 2m, sâu 1m dẫn về sông Phường Bún. Nước mưa sau khi được thu gom bằng hệ thống rãnh thu, mương đan xung quanh khu vực Dự án được dẫn về mương đất phía Nam dự án.

Sông phường Bún có tốc độ dòng chảy tương đối chậm, cung cấp nước tưới tiêu cho khu vực thị trấn Hoàn Lão, đây là một trong những phụ lưu của sông Lý Hòa. Đặc điểm nổi bật của dòng chảy là đường phân phối dòng chảy trong năm có hai đỉnh rõ rệt. Đỉnh chính xuất hiện vào tháng IX, X; đỉnh phụ tiêu mẫn xuất hiện vào tháng V, VI. Mùa lũ tập trung vào các tháng X, XI, XII và chiếm 60 - 80% tổng lượng dòng chảy cả năm. Dòng chảy kiệt kéo dài trung bình 8 - 9 tháng, dài nhất là 10 tháng, ngắn nhất là 7 tháng. Trong mùa kiệt vẫn có mưa và lũ tiêu mẫn, tháng lũ tiêu mẫn chiếm 1,72 - 5,75% lượng dòng chảy năm. Như vậy, dự án hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.

3.1.1. Dữ liệu hiện trạng môi trường

Theo khảo sát của đơn vị lập báo cáo, hiện trạng khu vực dự án là bãi đất trống có không gian môi trường thoáng, rộng. Hiện trạng chưa có nguồn thải nào tác động tới môi trường khu vực. Chất lượng thành phần môi trường nền khu vực dự án tốt, đủ khả năng chịu tải môi trường nếu dự án triển khai xây dựng và đi vào hoạt động.

Khu vực dân cư hiện trạng ở xung quanh dự án có cao độ tương đương với cao độ quy hoạch 1:500 của Cửa hàng Xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung. Nước mưa chảy tràn của khu vực dân cư này hiện tự thấm vào đất hoặc được cho tự chảy theo độ dốc san nền về mương đất dọc phía sau khu dân cư. Vì vậy sau khi dự án hoàn thành, sẽ không ảnh hưởng đến hiện trạng thoát nước mưa chảy tràn của khu vực.

3.1.2. Dữ liệu về tài nguyên sinh vật

Theo như điều tra khảo sát thực tế của đơn vị tư vấn thì hiện trạng trên khu vực dự án chủ yếu là:

- Động vật: Động vật trên cạn chủ yếu là các loài chim nhỏ như chim sẻ, chim sâu, chuột,... Một số động vật nuôi của người dân như chó, mèo,...
- Thực vật: Khu vực là bãi đất trống, thảm thực vật chỉ có một số lượng ít cây cỏ dại.

Nhìn chung, tính đa dạng sinh học của khu vực là không cao, trong khu vực không có loài động, thực vật đặc hữu hay có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ.

3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

3.2.1. Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn tiếp nhận nước thải.

a, Mạng lưới sông suối, nước dưới đất xung quanh khu vực dự án:

Qua khảo sát, trong khu vực thực hiện Dự án chưa có công trình cấp nước sạch. Các hộ dân trong địa bàn chủ yếu sử dụng nguồn nước ngầm từ giếng khoan, giếng đào. Cách dự án về phía Bắc khoảng 600m có sông Trước và cách dự án về phía Đông khoảng 1200m có sông Phụng Bún.

b, Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án:

- Nước thải sinh hoạt, nước thải nhiễm xăng dầu tại khu vực dự án sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và bể tách lọc dầu inox SUS304 sẽ được dẫn vào mô đun XLNT sử dụng công nghệ màng lọc MBR. Nước thải sau khi được xử lý tại mô đun này sẽ được dẫn về mương đất nằm ở khu vực phía Nam dự án, sau đó theo dòng chảy của mương đất về sông Phưong Bún cách 1200m.

- Nước mưa được thu trên mái qua phễu thu nước mưa có cầu chắn rác và nước mưa chảy tràn trên mặt đất được thu vào hệ thống rãnh thu, mương đan sau đó chảy về mương đất nằm khu vực phía Nam dự án.

3.3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường nơi thực hiện dự án

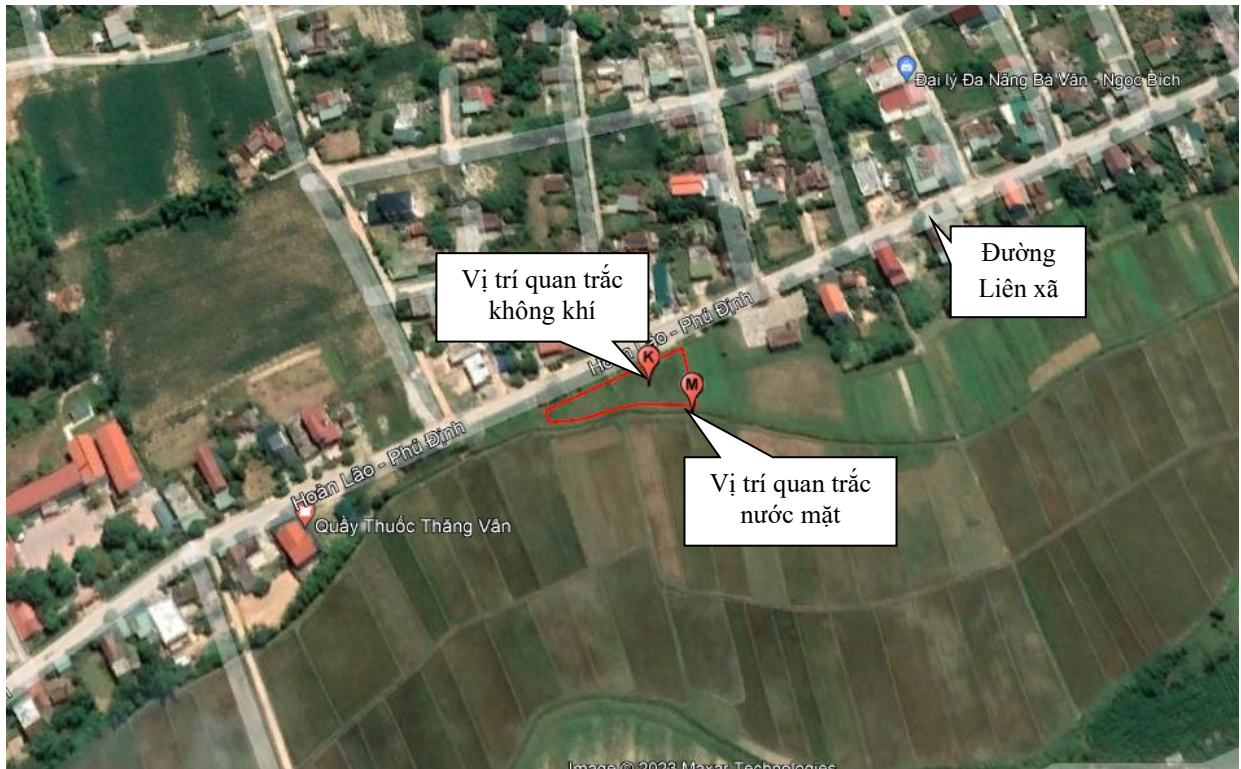
Để có thể đánh giá toàn diện được các tác động môi trường trong quá trình xây dựng Dự án cũng như trong quá trình dự án đi vào hoạt động. Từ ngày 26/12/2023 đến ngày 28/12/2023, Đoàn cán bộ tham gia lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đã tiến hành lấy mẫu và phân tích các thành phần môi trường của Dự án đã tiến hành lấy mẫu và phân tích các thành phần môi trường. Kết quả được dùng để đánh giá chất lượng các thành phần môi trường hiện tại (so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành) cũng như trong việc kiểm soát, phòng ngừa các vấn đề ô nhiễm môi trường sau này.

Bảng 3.1. Thời gian tiến hành lấy mẫu

STT	Thời gian lấy mẫu
Lần 01	26/12/2023
Lần 02	27/12/2023
Lần 03	28/12/2023

Bảng 3.2. Vị trí các điểm lấy mẫu

STT	Vị trí lấy mẫu	Kí hiệu
I	Mẫu không khí xung quanh	
1	Không khí tại khu đất thực hiện dự án, tọa độ (17°34'38.23"N, 106°31'56.83" E)	K
II	Mẫu nước mặt	
1	Mương đất tại khu vực phía nam Dự án, tọa độ (17°34'54.50"N, 106°30'8.39" E)	M



Hình 3.1. Vị trí lấy mẫu quan trắc

3.3.1. Chất lượng môi trường không khí, nước mặt.

Chất lượng môi trường không khí, nước mặt khu vực xung quanh khu vực Dự án được thể hiện qua bảng kết quả phân tích sau:

- Kết quả đợt 1:

Bảng 3.3. Kết quả phân tích môi trường không khí đợt 1

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/BTNMT
			K	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	19,8	-
2	Bụi lơ lửng TSP	mg/m^3	0.135	0,3
3	CO	mg/m^3	3,0	30
4	SO ₂	mg/m^3	0,067	0,35
5	NO ₂	mg/m^3	0,059	0,2
6	Tiếng ồn	<i>dBA</i>	62,1	70 ⁽¹⁾

Bảng 3.4. Kết quả phân tích môi trường nước mặt đợt 1

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 08:2023/BTNMT Mức B
			M	
1	pH	-	7,09	6 – 8,5
2	BOD ₅	mg/l	4,04	6
3	TSS	mg/l	21	100
4	Tổng N	mg/l	0,64	1,5
5	Tổng P	mg/l	0,14	0,3

- Kết quả đợt 2:

Bảng 3.5. Kết quả phân tích môi trường không khí đợt 2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/BTNMT
			K	
1	Nhiệt độ	°C	21	-
2	Bụi lơ lửng TSP	mg/m ³	0.132	0,3
3	CO	mg/m ³	2,90	30
4	SO ₂	mg/m ³	0,061	0,35
5	NO ₂	mg/m ³	0,055	0,2
6	Tiếng ồn	dBA	61,7	70 ⁽¹⁾

Bảng 3.6. Kết quả phân tích môi trường nước mặt đợt 2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 08:2023/BTNMT Mức B
			M	
1	pH	-	7,13	6 – 8,5
2	BOD ₅	mg/l	3,93	6
3	TSS	mg/l	22	100
4	Tổng N	mg/l	0,60	1,5
5	Tổng P	mg/l	0,18	0,3

- Kết quả đợt 3:

Bảng 3.7. Kết quả phân tích môi trường không khí đợt 3

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/BTNMT
			K	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	21,9	-
2	Bụi lơ lửng TSP	mg/m^3	0.128	0,3
3	CO	mg/m^3	2,96	30
4	SO ₂	mg/m^3	0,064	0,35
5	NO ₂	mg/m^3	0,060	0,2
6	Tiếng ồn	dBA	61,5	70 ⁽¹⁾

Bảng 3.8. Kết quả phân tích môi trường nước mặt đợt 3

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 08:2023/BTNMT Mức B
			M	
1	pH	-	7,11	6 – 8,5
2	BOD ₅	mg/l	3,97	6
3	TSS	mg/l	24	100
4	Tổng N	mg/l	0,63	1,5
5	Tổng P	mg/l	0,15	0,3

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ);

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

Nhận xét:

Trên cơ sở kết quả quan trắc môi trường tại khu vực Dự án, kết luận về điều kiện khí hậu, chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn như sau:

- Về điều kiện khí hậu: Tại thời điểm khảo sát, khu vực dự án ít mây, thời tiết nắng. Nhìn chung, điều kiện thời tiết bình thường, không có các biểu hiện bất thường so với các số liệu đã được thống kê nhiều năm trên địa bàn huyện Bồ Trách. Thời điểm đó có điều kiện khí tượng bình thường sẽ không làm ảnh hưởng đến kết quả môi trường không khí, nước mặt, nước dưới đất, môi trường được trình bày tiếp theo.

- *Về chất lượng môi trường không khí & tiếng ồn:* Chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn tại khu vực thực hiện Dự án tại tất cả các điểm đo đều nằm trong Giới hạn cho phép theo các Quy chuẩn Việt Nam tương ứng.

- *Về chất lượng môi trường nước mặt:* Chất lượng môi trường nước mặt tại khu vực thực hiện Dự án tại tất cả các điểm đo đều nằm trong Giới hạn cho phép theo các Quy chuẩn Việt Nam tương ứng.

⇒ **Kết luận:** Qua kết quả phân tích môi trường không khí, nước mặt, tiếng ồn của Dự án nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn hiện hành, khả năng tự làm sạch của môi trường tại đây còn tốt. Việc thực hiện Dự án sẽ làm gia tăng các nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường nếu không có các biện pháp giảm thiểu, các loại chất thải phát sinh và ảnh hưởng nhiều nhất chủ yếu trong giai đoạn xây dựng. Chủ dự án sẽ xây dựng chương trình quản lý môi trường và có các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực do các nguồn thải từ hoạt động của dự án. Đồng thời Chủ dự án phải thường xuyên tiến hành quan trắc, giám sát chất lượng môi trường và đánh giá, đề xuất các biện pháp khắc phục các sự cố gây ô nhiễm môi trường.

Như vậy, vị trí địa điểm thực hiện dự án là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm môi trường tự nhiên của khu vực.

CHƯƠNG IV

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

4.1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

Các loại nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng và nước mưa chảy tràn.

a) Đối với nước thải sinh hoạt

* *Thành phần:* Nước thải sinh hoạt: chủ yếu chứa các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

* *Tải lượng và tác động:*

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ phụ thuộc vào số lượng công nhân và hệ số phát sinh nước thải (bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước). Theo TCXDVN 33:2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế, thì tiêu chuẩn cấp nước theo đầu người là 80 - 150 lít/ngày, ở đây theo điều kiện của Dự án lấy tiêu chuẩn cấp nước cho công nhân ở lán trại là 100 lít/ngày. Với số lao động ở lại tại lán trại là 20 người thì tổng lượng nước thải phát sinh là:

$$20 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người} \times 80\% = 1.600 \text{ lít/ngày} = 1,6 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Trong đó:

+ Nước thải xám chiếm khoảng 80% tổng lượng nước thải là 1,28 m³/ngày.

+ Nước thải đen chiếm khoảng 20% tổng lượng nước thải là 0,32 m³/ngày.

Đặc trưng của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều thành phần hữu cơ và vi khuẩn. Do chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy như phế thải thực phẩm chất thải con người nên đặc trưng của nguồn thải này là giá trị BOD₅, hàm lượng chất rắn lơ lửng, tổng (N), photpho (P) cao. Ngoài ra nước thải còn chứa các vi khuẩn như Coliform.

Theo kết quả tính toán của tổ chức Y tế thế giới (WHO), dựa vào hệ số ô nhiễm do mỗi người hằng ngày đưa vào môi trường (Khi nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý) đối với các quốc gia đang phát triển, có thể dự báo tải lượng các chất ô nhiễm sinh ra từ nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công xây dựng công trình được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.1. Khối lượng chất ô nhiễm thải vào môi trường

Chất ô nhiễm	Tải lượng theo WHO (g/người/ngày)	Tải lượng ước tính cho 20 công nhân (g/ngày)
BOD ₅	35 - 44	700 - 880
COD	52 - 90	1040 - 1800
Chất rắn lơ lửng	35 - 95	700 - 1900
Tổng nitơ	4 - 8	80 - 160
Amoni	1,4 - 2,8	28 - 56
Tổng photpho	0,4 - 2	8 - 40

Nguồn: Tổ chức y tế thế giới (WHO) – 1993

** Về công trình và biện pháp xử lý:*

Nguồn thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trình, tuy không lớn nhưng có độ nhiễm bẩn cao. Vì vậy cần có biện pháp xử lý thích hợp nếu không sẽ gây ô nhiễm môi trường.

- Với nước rửa tay chân của công nhân có thành phần chủ yếu là đất cát, cặn lơ lửng nên không gây tác động môi trường đáng kể và có thể cho tự thấm vào đất qua hố đào thể tích khoảng 8m³ ở khu vực tắm rửa của công nhân.

- Lắp đặt nhà vệ sinh lưu động có thể tích bể chứa là: dài x rộng x sâu = 2 m x 2 m x 1m = 4,0 m³. Nhà vệ sinh được đặt ở khu vực phía tây dự án, ở cuối hướng gió để tránh ảnh hưởng mùi hôi đến khu dân cư và khu lán trại, sau khi thi công Dự án xong nhà vệ sinh sẽ được tháo dỡ và di chuyển trả lại mặt bằng cho dự án. Phần chất thải của nhà vệ sinh sẽ được chủ dự án hợp đồng với đơn vị nạo hút đưa đi xử lý đúng theo quy định.

- Với biện pháp trên thì Chủ dự án khẳng định 100% lượng nước thải phát sinh từ Dự án đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi đổ thải ra môi trường. Chất lượng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý của Dự án được so sánh với QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b) Nước thải xây dựng

* *Thành phần:* bao gồm nước thải trộn bê tông, vữa, rửa dụng cụ thi công và nước thải bảo dưỡng có khối lượng phát sinh hàng ngày nhỏ với thành phần gồm chất rắn lơ lửng, cát, sạn...

* *Tải lượng và tác động:* Trong quá trình thi công xây dựng có sử dụng một lượng nước để trộn nguyên liệu và rửa máy móc, thiết bị. Lượng nước thải phát sinh ước tính khoảng 5,0 m³/ngày. Trong nước thải này có chứa một số chất gây ô nhiễm như: xi măng, vôi vữa và một số chất vô cơ thông thường như cát, đất, đá,..

Tuy nhiên lượng nước thải này không đáng kể, Chủ dự án có thể tận dụng là nước chống bụi trên mặt bằng xây dựng, san gạt,...

** Về công trình và biện pháp xử lý:*

Để hạn chế các chất gây ô nhiễm trong lượng nước này, chủ dự án bố trí 2 thùng phi 200 lít để chứa nước rửa dụng cụ tại công trường và bố trí 01 hố đào diện tích 3m², dung tích 3m³ tại khu vực thi công để thu gom lượng thải phát sinh và sử dụng lại.

c) Nước mưa chảy tràn

** Thành phần:* nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào bề mặt của công trường, cuốn theo đất, cát và các thành phần ô nhiễm khác từ mặt đất vào nguồn tiếp nhận.

** Tải lượng và tác động:*

- Lượng nước mưa chảy tràn được xác định theo (TCXDVN 51:2008) - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế như sau:

$$Q = 0.278.K.I.F$$

Trong đó:

- Q: Lưu lượng cực đại của nước mưa chảy tràn, m³/ngày;
- K: Hệ số chảy tràn, phụ thuộc đặc điểm bề mặt đất, k = 0,5 - 0,7; chọn k = 0,7;
- I: Lượng mưa lớn nhất trong ngày. Lượng mưa ngày lớn nhất 747 mm/ngày (tại trạm Khí tượng - Thủy văn Đồng Hới, xuất hiện ngày 14/10/2016).
- F: Diện tích khu vực dự án (m²): F = 919,6m².

$$Q = 0,278 \times 0,7 \times 0,747 \times 919,6 = 133,68\text{m}^3/\text{ngày}.$$

- Do địa hình khu vực thực hiện dự án có cao độ lớn hơn cao độ của các vùng xung quanh nên nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công được chảy theo độ dốc địa hình từ khu vực cao về khu vực thấp.

** Về công trình và biện pháp xử lý:*

Để đảm bảo, nước mưa chảy tràn không gây tác động lớn đến nguồn tiếp nhận, chủ dự án sẽ thực hiện một số các biện pháp nhằm hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm môi trường, cụ thể như sau:

+ Theo hiện trạng xung quanh khu vực, nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án sẽ được dẫn dòng và thoát về mương đất liền kề phía Nam dự án. Cuối hệ thống thoát nước ở góc Đông Nam của dự án bố trí hố lắng cặn (rộng 1m, dài 1m, sâu 1,5m) trước khi thoát vào hệ thống mương đất nhằm hạn chế nước mưa cuốn theo chất bẩn bề mặt, đất cát vào sông làm gia tăng độ đục, bồi lấp, gây tắc nghẽn ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước trong khu vực.

+ Thực hiện thu gom toàn bộ chất thải phát sinh trên bề mặt diện tích thi công qua đó hạn chế đến mức thấp nhất chất thải bị cuốn theo nước mưa gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận trong khu vực.

+ Xử lý kịp thời các sự cố rò rỉ xăng dầu và vật liệu độc hại (nếu có) do hoạt động thi công gây ra bằng cách sử dụng cát, dẻ lau, các vật liệu thấm dầu chuyên dụng để làm sạch khu vực xăng dầu rò rỉ càng nhanh càng tốt, sau đó thu gom vào thùng chuyên dụng theo đúng quy định.

4.1.2. Về công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn

Quá trình thi công các hạng mục công trình sẽ làm phát sinh chất thải rắn từ các nguồn sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân trên công trường.
- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình xây dựng.
- Chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng.

a) Chất thải rắn sinh hoạt:

**** Thành phần:***

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân khoảng 20 người bao gồm các chất hữu cơ và các chất vô cơ. Thành phần chính bao gồm giấy, nhựa, thủy tinh...

**** Tải lượng và tác động:***

Theo số liệu của “Vietnam Environment monitor 2014 – Solid waste” lượng rác thải trung bình trên đầu người là 0,2kg/người.ngày. Vậy khối lượng chất thải sinh hoạt tối đa có thể phát sinh tại khu vực công trình là 4 kg/ngày.

- Lượng chất thải sinh hoạt này nếu không được thu gom vận chuyển đến bãi thải theo quy định thì sẽ gây ô nhiễm đáng kể đối với môi trường.

- Chất thải phân hủy tạo mùi hôi thối, là môi trường cho các loài vi trùng, vi khuẩn phát triển, ruồi nhặng sinh sôi.

+ Chất thải làm mất cảnh quan môi trường.

+ Chất thải làm ô nhiễm đất và nước ngầm.

**** Về công trình và biện pháp xử lý:***

- Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt của dự án được tập trung vào thùng chứa rác 200l tại khu vực lán trại của công nhân, sau đó Chủ dự án sẽ hợp đồng với Đơn vị thu gom rác xã Tây Trạch để vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành. Để hạn chế lượng chất thải rắn, rác thải cần phải được phân loại và xử lý như sau:

- Đối với các loại có thể tái chế, tái sử dụng như giấy, bao bì đựng thực phẩm bằng nhựa, thủy tinh, kim loại... thu gom riêng;

- Đối với các loại rác thải có nguồn gốc thực phẩm phát sinh từ khu vực lán trại tạm được tận dụng lại cho các hộ gia đình làm thức ăn chăn nuôi;

- Đối với lá cây, cành cây có thể cho các hộ dân xung quanh thu gom tận dụng làm chất đốt.

b) Chất thải xây dựng

** Thành phần:*

Trong quá trình xây dựng dự án, lượng chất thải rắn phát sinh chủ yếu là gạch vụn, sắt thép, vôi vữa rơi vãi...

** Về công trình và biện pháp xử lý:*

Lượng chất thải này không nhiều nên các biện pháp kiểm soát được dự kiến thực hiện như sau:

- Tất cả các chất thải xây dựng bao gồm: gạch đá, xi măng, sắt thép... sẽ được phân loại và tái sử dụng vào các mục đích khác hoặc bán phế liệu. Các chất thải còn lại không sử dụng được sẽ được chủ dự án vận chuyển đổ thải đúng theo quy định pháp luật.

c) Chất thải nguy hại

** Thành phần*

- Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu là cặn dầu mỡ bôi trơn; giẻ lau, bao bì dính dầu mỡ bôi trơn.

** Tải lượng và tác động:*

Nếu tính trung bình lượng dầu máy thải ra từ các máy móc, thiết bị thi công trong một lần thay là khoảng 5 lít/lần/phương tiện, chu kỳ thay dầu và bảo dưỡng máy móc, thiết bị trung bình lấy 3 tháng/lần. Dự kiến số lượng máy móc, thiết bị cần huy động để thi công thường xuyên khoảng 4 phương tiện (máy đào, máy ủi và máy lu lèn). Như vậy, lượng dầu máy phát sinh ước tính khoảng 20 lít/lần thay nhớt (lượng dầu thải này không tính đến các phương tiện vận tải bùn thải và nguyên, vật liệu phục vụ cho thi công vì các phương tiện này thường được thay dầu mỡ bôi trơn tại các ga ra sửa chữa ô tô). Hoạt động sửa, bảo dưỡng xe, máy còn phát sinh một lượng giẻ lau, bao bì dính dầu mỡ; khối lượng tùy thuộc vào tay nghề, ý thức của công nhân.

** Về công trình và biện pháp xử lý:*

- Chất thải nguy hại có nguồn thải không lớn nhưng có mức độ gây ô nhiễm môi trường cao, khó phân hủy; nếu không được thu gom và xử lý triệt để sẽ gây ô nhiễm đến môi trường khu vực. Đặc biệt là khi thời tiết khu vực có mưa, nguồn thải này sẽ thấm vào đất cát và bị cuốn trôi theo nước mưa gây ô nhiễm nguồn nước và làm mất mỹ quan khu vực.

- Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau để kiểm soát ảnh hưởng do các chất thải nguy hại là dầu mỡ:

+ Không sửa chữa máy móc, xe cộ tại công trường (chỉ sửa chữa trong trường hợp sự cố).

+ Thu gom 100% lượng dầu mỡ thải và giặt lau vào các thùng chứa riêng biệt có nắp đậy kín đặt trong khu vực kho chứa có mái che trong khu vực dự án.

+ Ký kết hợp đồng với các đơn vị có khả năng tái chế hoặc tiêu hủy chất thải nguy hại để thu gom và xử lý các loại chất thải này. Việc thu gom, lưu giữ vận chuyển chất thải rắn nguy hại được thực hiện bởi các tổ chức có năng lực phù hợp và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại.

4.1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a) Nguồn gây ô nhiễm:

- Bụi phát sinh từ quá trình chuyên chở nguyên vật liệu phục vụ thi công.
- Khí thải sinh ra do quá trình đốt nhiên liệu của các phương tiện thi công cơ giới và vận tải.

- Bụi phát tán trong quá trình thi công xây dựng.

- Bụi tại bãi tập kết nguyên vật liệu.

b) Thành phần, tải lượng các chất gây ô nhiễm:

* *Bụi phát sinh trên các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu*

- Bụi sẽ phát sinh trong quá trình vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ cho quá trình thi công xây dựng các hạng mục của dự án. Mức ô nhiễm bụi, khí thải gây ra đối với môi trường nhiều hay ít phụ thuộc vào số lượng phương tiện tham gia vận chuyển, chiều dài tuyến đường, khối lượng cần vận chuyển, chất lượng nền đường, thời tiết,... và phụ thuộc vào dạng nguyên vật liệu.

Theo Air Chief, Cục Môi trường Mỹ - 1995, hệ số phát thải bụi trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu được tính theo công thức sau:

$$E_2 = 1,7 \times k \times \frac{S}{12} \times \frac{S}{48} \times \left(\frac{W}{2,7}\right)^{0,7} \times \left(\frac{w}{4}\right)^{0,5} [(365-p)/365]$$

Trong đó:

E_2 : Hệ số phát thải bụi (kg/lượt xe.km)

k: Hệ số liên quan kích thước bụi (chọn k = 0,2 cho bụi có kích thước <10 μ m)

s: Hệ số liên quan đến mặt đường (chọn hệ số trung bình s = 5,5 do hầu hết các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu từ nơi cung cấp đến chân dự án đa số đều đã được nhựa hoặc bê tông hóa).

S: Tốc độ trung bình của xe (chọn A = 40km/h)

W: Tải trọng xe (chọn W = 10 tấn)

w: Số bánh xe (chọn w = 6 bánh)

p: Số ngày mưa trung bình trong năm (Tại Đồng Hới, chọn p=141)

Kết quả tính toán được hệ số phát sinh bụi do xe vận chuyển nguyên vật liệu là 0,237 kg/km/lượt xe. Với vận tốc xe 40km/h, tính toán được hàm lượng bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển là 2,32mg/m.s.

Bảng 4.2. Khối lượng các nguyên vật liệu cần vận chuyển và số lượt xe vận chuyển

TT	Loại vật liệu	Mô vật liệu	Tổng khối lượng (tấn)	Số xe vận chuyển (xe 10 tấn)	Chiều dài TB tuyến đường vận chuyển (km)	Tải lượng bụi (kg)
1	Cát vàng	Lý Trạch	226	23	6,7	35,99
2	Đá dăm	Phúc Trạch	170	17	37,7	151,89
3	Xi măng	TT Hoàn Lão	27	3	2,5	1,27
4	Sắt thép	TT Hoàn Lão	5	1	2,5	0,39
5	Gạch	TT Hoàn Lão	185	19	2,5	11,06
TỔNG						200,8

* *Khí thải động cơ phát sinh trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu*

- Nguồn thải này phụ thuộc vào kế hoạch tổ chức vận chuyển, khối lượng nguyên vật liệu cần vận chuyển, loại phương tiện được sử dụng, tình trạng vận hành của thiết bị, chất lượng mặt đường... Nguyên vật liệu sẽ được vận chuyển bằng ô tô với tải trọng trung bình 7 tấn, sử dụng nguyên liệu dầu Diesel. Hàm lượng lưu huỳnh (S) trong dầu Diesel là 0,05%. Tạo ra các loại khí thải: CO, NO_x, SO₂, C_mH_m, bụi, tiếng ồn...

Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập đối với các loại xe vận tải sử dụng dầu Diesel có công suất 3,5 – 16,0 tấn, ước tính lượng khí thải sinh ra do hoạt động giao thông phục vụ cho Dự án trên quãng đường với tổng chiều dài được tính toán theo các bảng sau:

Tải lượng các chất ô nhiễm từ hoạt động vận chuyển được thể hiện trong bảng:

Bảng 4.3. Tải lượng các chất ô nhiễm không khí sinh ra từ quá trình vận chuyển.

	Chất ô nhiễm	Tải lượng (kg)/1.000km (*)	Tổng chiều dài (1.000km)	Thời gian vận chuyển	Tổng tải lượng (kg/thời gian vận chuyển)
Quá trình vận chuyển xi măng, sắt thép	Bụi khói	0,9	0,154	360 ngày	0,00038
	SO ₂	4,15			0,00177
	NO _x	1,44			0,00061
	CO	2,9			0,00124

	THC	0,8			0,00034
Cát vàng	Bụi khói	0,9	0,154	360 ngày	0,00038
	SO ₂	4,15			0,00177
	NO _x	1,44			0,00061
	CO	2,9			0,00124
	THC	0,8			0,00034
Đá hộc, đá dăm	Bụi khói	0,9	0,64	180 ngày	0,0032
	SO ₂	4,15			0,01475
	NO _x	1,44			0,00512
	CO	2,9			0,01031
	THC	0,8			0,00284
TỔNG					0,0449

Nguồn: (*) Đánh giá nguồn ô nhiễm không khí, nước và đất - WHO 1993

* Khí thải động cơ của phương tiện, máy móc thi công

- Căn cứ Thông tư 06/2005/TT-BXD ngày 15 tháng 4 năm 2005 về việc hướng dẫn phương pháp xây dựng giá ca máy và thiết bị thi công, với 1 ca máy khoảng 8 giờ/ngày, ước tính được lượng nhiên liệu tiêu thụ cho hoạt động của máy móc và thiết bị sử dụng trong quá trình thi công tại Bảng dưới đây:

Bảng 4.4. Lượng nhiên liệu tiêu thụ cho hoạt động của máy thi công

TT	Loại máy thi công	Công suất	Số lượng (chiếc)	Dầu DO tiêu thụ ngày/thiết bị (lít) (*)	Tổng lượng dầu DO tiêu thụ ngày (lít)
1	Máy ủi	110CV	1	44,1	44,1
2	Máy xúc	20T	1	38,76	38,76
3	Xe lu	10T	1	40,32	40,32
4	Máy phát điện	15kW	1	13,5	13,5
5	Cần cầu	30T	1	81	81
6	Máy bơm nước	20CV	1	-	-
7	Máy trộn bê tông	7 KW	1	-	-
Tổng cộng					217,68

Ghi chú:

- Máy bơm nước và máy trộn bê tông chạy điện lấy từ máy phát điện ở mục 4 trong Bảng trên.

- (*) Thông tư 06/2005/TT-BXD ngày 15 tháng 04 năm 2005 về việc hướng dẫn phương pháp xây dựng giá ca máy và thiết bị thi công.

Theo tài liệu của Tổ chức Y tế Thế giới, Hệ số phát thải (EFi) của thiết bị và máy loại động cơ diesel cố định dựa trên cơ sở lượng nhiên liệu tiêu thụ như sau:

Bảng 4.5. Hệ số phát thải của máy thi công sử dụng dầu diesel

Đơn vị: kg/lít

TT	Khí thải	TSP	SO ₂	NO _x	CO	VOC _s
	Thiết bị					
1	Máy ủi	0,00327	0,00374	0,031	0,0102	0,00228
2	Máy xúc	0,00177	0,00374	0,0343	0,0147	0,00158
3	Xe lu	0,0029	0,00373	0,0485	0,0226	0,0036
4	Máy phát điện	0,00084	0,00012	0,01138	0,00259	0,00094
5	Cần cẩu	0,00361	0,00373	0,0441	0,0184	0,00404

Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới

Ghi chú: Máy bơm nước và máy trộn bê tông sử dụng điện từ máy phát điện nên ở đây không có hệ số phát thải cho hai máy này.

Trên cơ sở khối lượng nhiên liệu tiêu thụ như ở Bảng 4.4 và hệ số phát thải như ở Bảng 4.5, chúng tôi tính được tải lượng của các khí thải do hoạt động của máy thi công sinh ra trên khu vực công trường theo Bảng sau:

Bảng 4.6. Tải lượng khí thải trên khu vực thi công

TT	Thiết bị	Tải lượng khí thải (kg/ngày)				
		TSP	SO ₂	NO _x	CO	VOC _s
1	Máy ủi	0,00327	0,00374	0,031	0,0102	0,00228
2	Máy xúc	0,00177	0,00374	0,0343	0,0147	0,00158
3	Xe lu	0,0029	0,00373	0,0485	0,0226	0,0036
4	Máy phát điện	0,00084	0,00012	0,01138	0,00259	0,00094
5	Cần cẩu	0,00361	0,00373	0,0441	0,0184	0,00404
	Tổng cộng (kg/ngày)	0,01239	0,01506	0,16928	0,06849	0,01244
	Tổng cộng (mg/s)	0,430208	0,522917	5,877778	2,378125	0,431944

c. Phạm vi và mức độ tác động

- Phạm vi và đối tượng chịu ảnh hưởng:

+ Bụi và khí thải phát sinh do quá trình vận chuyển nguyên liệu sẽ gây ảnh hưởng đến người tham gia giao thông và dân cư dọc tuyến đường.

+ Bụi, khí thải, phát sinh trong khu vực xây dựng chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân trên công trường và các khu dân cư tiếp giáp với dự án.

- Đánh giá tác động:

+ Khi con người tiếp xúc với môi trường không khí bị ô nhiễm bụi có thể mắc các bệnh về đường hô hấp, tuyến lệ... Các hạt bụi vào phổi gây kích thích cơ học, thúc đẩy quá trình xơ cứng phổi và là nguyên nhân của các bệnh về đường hô hấp. Những hạt bụi có kích thước nhỏ (đường kính < 0,3 μ m) có thể dễ dàng đi sâu vào phổi và đặc biệt nguy hiểm khi chúng mang các hydrocacbon mạch vòng có độ độc cao. Các hạt bụi silic có trong cát cũng là một trong những tác nhân gây ô nhiễm nguy hiểm. Tuy nhiên, các tác nhân gây ô nhiễm nói trên chỉ mang tính chất tạm thời, diễn ra trong phạm vi hẹp.

d. Công trình, biện pháp giảm thiểu

- Sử dụng các loại xe vận tải có động cơ đốt trong có hiệu suất cao, tải lượng khí thải nhỏ và độ ồn thấp. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị, luôn để máy móc thiết bị hoạt động ở trạng thái tốt nhất, hạn chế tiếng ồn và khói thải ở mức thấp nhất.

- Các xe ô tô khi vận chuyển nguyên vật liệu trong quá trình thi công xây dựng cũng như trong quá trình hoạt động phải thực hiện đúng các quy định giao thông chung: có bạt che thùng và không được làm rơi vãi đất đá, nguyên liệu để hạn chế tối đa sự phát thải bụi ra môi trường.

- Không sử dụng các loại phương tiện vận tải và máy móc thi công có độ ồn lớn và tuyệt đối không hoạt động thi công các hoạt động có phát sinh độ ồn lớn vào các giờ cao điểm và giờ nghỉ ngơi của người dân. Cụ thể không làm việc từ 11h30' – 13h cùng ngày và 20h – 6h sáng hôm sau. Lắp đặt hàng rào bằng tôn cao 3m bao quanh khu vực dự án để tránh bụi trong quá trình dự án để tránh ảnh hưởng đến khu dân cư ở gần dự án.

Trong giai đoạn xây dựng Chủ dự án sẽ tiến hành giám sát, quan trắc môi trường, nồng độ bụi sẽ được Chủ dự án thường xuyên kiểm tra, giám sát và so sánh với hàm lượng bụi theo QCVN 02:2019/BYT và QCVN 05:2023/BTNMT.

4.1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

* *Nguồn phát sinh:* Tiếng ồn và độ rung phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu do hoạt động của phương tiện vận tải và phương tiện thi công cơ giới gây ra, đặc biệt là các thiết bị ủi, xúc, trộn bê tông, hàn cắt kim loại,... tại khu vực công trường và trên tuyến đường vận chuyển.

* *Cường độ tác động:*

Mức độ cũng như phạm vi ảnh hưởng của tiếng ồn trong thi công phụ thuộc vào thời gian, tần suất hoạt động của máy móc, vị trí các điểm cung cấp nguyên vật liệu, cũng như hướng và khoảng cách đến đối tượng tiếp nhận. Mức áp âm đối với một số loại máy, thiết bị xây dựng như sau:

Bảng 4.7. Giới hạn mức độ tiếng ồn của các thiết bị thi công

TT	Loại thiết bị	Mức độ tiếng ồn ở khoảng cách 15 m, dBA	Yêu cầu của Tổng cục Dịch vụ (Mỹ), dBA
1	Xe lu	72 – 88	< 75
2	Máy xúc	72 – 96	< 75
3	Xe tải	70 – 96	< 75
4	Máy trộn bê tông	71 – 90	< 75
5	Máy ủi	70 – 96	< 75

Nguồn: Tổng cục Dịch vụ - Mỹ

Theo Bảng 4.7 thì mức ồn gây ra bởi các thiết bị này ở khoảng cách 15m từ vị trí vận hành dao động trong khoảng từ 10 - 96 dBA (lấy giá trị lớn nhất là 96 dBA để tính toán mức độ lan truyền của sóng âm).

**Biện pháp giảm thiểu:*

Để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh trong giai đoạn xây dựng Dự án chủ dự án phải áp dụng các biện pháp sau:

- Sử dụng các thiết bị và phương tiện phát sinh tiếng ồn với cường độ nằm trong giới hạn cho phép.
- Hạn chế thi công xây dựng vào giờ cao điểm vào đêm khuya.
- Định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn máy móc, để hạn chế tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông và máy móc xây dựng.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công tại công trường như giày, dép, mũ, bông nhét tai, khẩu trang.

4.1.5. Các tác động môi trường khác

** Mất an toàn trong lao động:*

- Trong giai đoạn xây dựng có nhiều nguy cơ dẫn đến tai nạn lao động do số lượng công nhân tập trung cao, hoạt động xây dựng các hạng mục có độ cao nguy hiểm; sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra do các nguyên nhân sau:

+ Công nhân làm việc ở trên cao khi sức khỏe không tốt như thể lực yếu, người có bệnh về tim, huyết áp, tai điếc, mắt kém,... dễ gây ra tai nạn ảnh hưởng đến tính mạng công nhân.

+ Sử dụng các phương tiện làm việc ở trên cao không đảm bảo các yêu cầu an toàn gây ra sự cố tai nạn do những sai sót liên quan đến thiết kế, chế tạo, lắp đặt và sử dụng.

+ Công việc lao động nặng nhọc, thời gian làm việc liên tục và lâu dài có thể ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe công nhân, gây tình trạng mệt mỏi, choáng váng hay ngất xỉu cho công nhân tại công trường.

+ Quá trình thi công Dự án cần nhiều thiết bị, máy móc cần sử dụng điện. Việc bố trí hệ thống điện, sử dụng điện không hợp lý, rò rỉ điện,... là nguyên nhân dẫn đến điện giật, chập điện, cháy nổ gây tai nạn lao động.

+ Trong trường hợp phải tăng tiến độ, công nhân làm việc tăng ca nếu không đảm bảo sức khỏe sẽ gây mệt mỏi, choáng váng, ảnh hưởng đến sức khỏe và có thể gây nguy hiểm đến tính mạng công nhân.

- Biện pháp giảm thiểu sự cố tai nạn lao động:

+ Tuân thủ các quy định về an toàn lao động trong tổ chức thi công (bố trí các thiết bị, máy móc thi công, hệ thống điện...) để phòng ngừa tai nạn.

+ Các công nhân trực tiếp vận hành máy móc, thiết bị được đào tạo thực hành theo nguyên tắc vận hành và bảo trì kỹ thuật.

+ Các công nhân trong quá trình thi công có đầy đủ các thiết bị an toàn, dụng cụ cứu trợ và quần áo bảo hộ lao động cần thiết cho công trình: kính bảo hộ và các trang thiết bị bảo vệ tai, dây da và đai, thiết bị cấp cứu, cứu hoả, thiết bị sơ cứu, dây buộc, mũ cứng,...

* *Sự cố cháy nổ, chập điện:*

- Việc vận hành các máy móc, thiết bị, sử dụng lửa bất cẩn của cán bộ, công nhân làm việc trên công trường có thể gây ra nguy cơ cháy nổ máy móc, thiết bị đang thi công. Tùy theo mức độ phát sinh sự cố mà các đối tượng tác động có thể là cán bộ, công nhân thi công hoặc người tham gia giao thông và khu vực nhà dân ở lân cận.

- Các biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ, chập điện:

+ Tuân thủ các quy định nghiêm ngặt trong việc sử dụng lửa tại những nơi dễ cháy nổ;

+ Lắp đặt các thiết bị báo hiệu và phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc và tập huấn cho công nhân cách sử dụng để ứng phó kịp thời khi có sự cố xảy ra;

+ Tuyên truyền cho toàn bộ công nhân làm việc chấp hành mọi nội quy về cháy nổ trong xây dựng cũng như trong sinh hoạt;

+ Trong xây dựng, phải sử dụng các bình chứa nhiên liệu như bình ga, bình nén khí đạt tiêu chuẩn, các máy móc thiết bị trong thi công sử dụng đúng công suất;

+ Trong lán trại, hệ thống dây điện cần phải bố trí thích hợp, chất lượng tốt tránh tình trạng chập nổ do quá tải;

+ Nên sử dụng các loại vật liệu khó cháy làm lán trại như sắt thép, tôn, vệ sinh bếp nấu sạch sẽ, sử dụng nhiên liệu để nấu nướng an toàn;

+ Lắp đặt các cầu giao ngắt điện, khóa ga và các bình chữa cháy trong lán trại;

* *Sự cố về giao thông:*

Hoạt động của các phương tiện vận chuyên phục vụ thi công xây dựng các hạng mục dự án sẽ làm gia tăng lưu lượng và mật độ của các phương tiện này trên các tuyến đường vận chuyên. Từ đó làm tăng nguy cơ tai nạn giao thông, nếu người điều khiển phương tiện không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông, đặc biệt tại các tuyến có nền đường hẹp, có nhiều phương tiện cùng lưu thông.

Đối với tuyến đường Liên xã đoạn đi qua khu vực dự án, đây là tuyến đường có mật độ giao thông cao, nên sẽ tập trung đông các phương tiện lưu thông vào giờ cao điểm đặc biệt giờ cao điểm nên quá trình vận chuyên nguyên vật liệu vào thời gian này sẽ góp phần làm cho tình hình giao thông thêm phức tạp, gây ách tắc giao thông hoặc có thể xảy ra tai nạn giao thông.

- Biện pháp giảm thiểu sự cố về giao thông:

+ Bố trí tần suất các xe vận chuyên nguyên vật liệu hợp lý, không tập trung quá nhiều cùng một lúc và vận chuyên vào các khung giờ cao điểm để tránh gây ùn tắc giao thông;

+ Tăng cường giáo dục, tuyên truyền cho lái xe ý thức chấp hành các quy định an toàn giao thông;

+ Sử dụng các phương tiện vận chuyên và máy móc vận chuyên nguyên vật liệu đã được đăng kiểm theo quy định nhằm hạn chế sự cố hỏng các chi tiết máy móc gây tai nạn giao thông;

+ Xe vận chuyên nguyên vật liệu không được chở quá trọng tải cho phép.

** Sự cố hư hỏng nền đường, via hè:*

Quá trình vận chuyên nguyên vật liệu chủ yếu trên các tuyến đường Liên xã. Đây là một trong những tuyến đường trọng điểm của huyện Bô Trạch được đầu tư kiên cố có khả năng chịu lực tốt, nên việc xe với trọng tải 10 tấn di chuyên trên tuyến đường này sẽ không gây ảnh hưởng đến các đoạn đường hiện trạng này. Trường hợp nếu có phát sinh hư hỏng via hè, lún nền đường do quá trình vận chuyên nguyên vật liệu của Dự án thì chủ Dự án sẽ có các biện pháp khắc phục kịp thời để tránh ra gây hậu quả nghiêm trọng.

- Biện pháp giảm thiểu sự cố hư hỏng nền đường, via hè:

+ Quá trình vận chuyên phải tuân thủ tải trọng cho phép trên các tuyến đường và cầu, cống. Không chở vượt quá tải trọng nhằm tránh gây hư hỏng các tuyến đường, cầu, cống.

+ Nếu để xảy ra sự cố hư hỏng đoạn đường nào do quá trình vận chuyên nguyên vật liệu của Dự án gây ra thì chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị được thuê vận chuyên tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời để đảm bảo việc giao thông đi lại.

** Sự cố gió bão, áp thấp nhiệt đới:*

Gió lớn, áp thấp nhiệt đới hoặc bão nếu đổ bộ vào khu vực Dự án trong quá trình thi công có thể gây hư hại các hạng mục dự án đang xây dựng, nguy cơ sạt

lở tại các hạng mục đang thi công rất lớn hoặc khi công trình chưa hoàn chỉnh đã ngập lụt, gió lớn có thể cuốn bay các kết cấu trên cao gây tai nạn cho con người và công trình không những ở bên trong mà còn có thể ở bên ngoài khuôn viên Dự án. Khi xảy sự cố sẽ gây hư hại cho công trình, sạt lở, xói mòn, bồi lắng dẫn đến việc thay đổi địa hình khu vực, tác động xấu đến tài nguyên sinh vật, tài nguyên nước, đất,... và cảnh quan môi trường. Mức độ lớn có thể gây hư hại máy móc, thiết bị, làm ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của công trình, ảnh hưởng đến sức khoẻ và tính mạng của cán bộ công nhân thi công trên công trường và ở lân cận.

- Biện pháp giảm thiểu sự cố gió bão, áp thấp nhiệt đới:

+ Chủ dự án sẽ chú trọng đảm bảo thi công kịp thời, nhanh chóng, tiến hành thi công theo hình thức cuốn chiếu.

+ Hạn chế thi công vào mùa mưa lũ. Ưu tiên thi công các hạng mục thoát nước hoàn thành trước mùa mưa lũ để đảm bảo khả năng thoát nước cho khu vực.

** Sự cố ngập lụt trong giai đoạn xây dựng:*

- Khu vực thực hiện Dự án hiện tại là bãi đất trống, nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án sẽ được dẫn dòng và thoát về mương đất liền kề phía Nam dự án. Với đặc điểm địa hình như vậy, khu vực Dự án sẽ có thể đảm bảo thoát nước tự nhiên theo độ dốc địa hình về hệ thống mương khu vực phía Nam Dự án.

- Biện pháp giảm thiểu:

+ Hạn chế thi công vào mùa mưa lũ. Ưu tiên thi công các hạng mục thoát nước hoàn thành trước mùa mưa lũ để đảm bảo khả năng thoát nước cho khu vực.

+ Nạo vét mương thoát, cống thoát nước để chất thải xây dựng không gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của khu vực.

+ Cuối hệ thống thoát nước ở góc Đông Nam của dự án bố trí hố lắng cạn (rộng 1m, dài 1m, sâu 1,5m) trước khi thoát vào hệ thống mương đất nhằm hạn chế nước mưa cuốn theo chất bẩn bề mặt, đất cát vào sông làm gia tăng độ đục, bồi lấp, gây tắc nghẽn ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước trong khu vực.

** Sự cố hư hỏng đường, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công trình, nhà dân lân cận:*

- Trong quá trình xây dựng Dự án sẽ sử dụng các loại xe vận chuyển vật liệu với tải trọng lớn có thể gây hư hỏng đường xá, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống cáp quang dọc tuyến đường Liên xã đoạn qua khu vực dự án. Đồng thời các hoạt động thi công xây dựng dự án đòi hỏi huy động các phương tiện hạng nặng có thể gây sụt lún hoặc gây rung chấn làm nứt tường các nhà dân cư hiện có, cũng như cơ sở hạ tầng xung quanh.

- Biện pháp giảm thiểu:

+ Chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công phải áp dụng đầy đủ các biện pháp nhằm hạn chế tối đa các tác động của chất thải.

+ Giám sát quá trình vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu không được để đất, đá rơi vãi gây hư hỏng diện tích lúa nước của người dân.

+ Đồng thời, nếu sự cố xảy ra, chủ dự án sẽ có phương án đền bù thỏa đáng đối với người dân bị ảnh hưởng.

4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.

4.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.

Hệ thống thoát nước tốt và hợp lý có ý nghĩa rất quan trọng để hạn chế ô nhiễm do nước thải sinh hoạt, nước thải nhiễm dầu và nước mưa chảy tràn.

a) Đối với nước mưa chảy tràn không nhiễm xăng dầu

** Thành phần và tải lượng:*

Lượng nước mưa chảy tràn không nhiễm xăng dầu được tính theo công thức sau:

$$Q = 0.278.K.I.F$$

Trong đó:

- Q: Lưu lượng cực đại của nước mưa chảy tràn, m³/ngày;
- K: Hệ số chảy tràn, phụ thuộc đặc điểm bề mặt đất, k = 0,5 - 0,7; chọn k = 0,5;
- I: Lượng mưa lớn nhất trong ngày. Lượng mưa ngày lớn nhất 747 mm/ngày (tại trạm Khí tượng - Thủy văn Đồng Hới, xuất hiện ngày 14/10/2016).
- F: Diện tích khu vực dự án không nhiễm xăng dầu (m²): F = 646,6m².

$$Q = 0,278 \times 0,5 \times 0,747 \times 646,6 = 67,13\text{m}^3/\text{ngày}.$$

Theo bố trí tổng mặt bằng dự án, các khu chức năng và các khu sân bãi đều được đổ bê tông, công trình thu gom hoàn chỉnh, không để rác thải rơi vãi tích tụ lâu ngày trên khu vực sân bãi, do đó nước mưa khi chảy tràn qua các khu vực này có mức độ ô nhiễm không đáng kể. Loại nước này được thu gom bằng hệ thống thoát nước dành riêng cho nước mưa và cho thoát vào hệ thống thoát chung của khu vực.

** Về công trình và biện pháp xử lý:*

- Nước mưa ở trên mái sẽ được chảy qua các phễu thu nước mưa có cầu chắn rác.

- Trong khuôn viên Dự án, thiết lập các tuyến mương nắp đan kích thước BxH = 40 x 60 với tổng chiều dài 72m nhằm thu gom nước triệt để nước mưa chảy tràn, sau đó chảy ra mương đất nằm liền kề khu vực phía Nam dự án thông qua cửa xả tại vị trí có tọa độ 17°34'54.24"N 106°30'6.68"E.

b) Đối với nước thải nhiễm dầu: (Lượng nước thải này phát sinh không thường xuyên)

** Thành phần và tải lượng:*

Lượng nước thải nhiễm dầu phát sinh cần phải xử lý do những nguyên nhân sau:

+ Xúc rửa bể chứa: Bể chứa thường được xúc rửa khi đưa bể mới vào chứa xăng dầu; hoặc xúc rửa định kỳ 5 năm/1 lần theo qui định để đảm bảo chất lượng nhiên liệu,... Lượng nước thải sẽ tùy thuộc vào dung tích từng bể, loại hàng tồn chứa và phương pháp xúc rửa. Nước thải loại này thường có hàm lượng dầu cao và phát sinh bùn cặn dầu, số lượng không nhiều (chất thải nguy hại). Lượng nước thải này phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh định kỳ 5 năm/lần và chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Nước sử dụng cho vệ sinh nền bãi: 0,3m³/ngày.đêm.

+ Nước mưa chảy tràn tại khu bể chứa xăng dầu: hoạt động bán xuất/nhập bị tràn vãi xăng dầu, bãi van bị rò rỉ hoặc sau khi xúc rửa bể chứa mà chưa kịp vệ sinh, gặp trời mưa qua khu vực này thì nước mưa chảy tràn sẽ cuốn theo các thành phần xăng, dầu ra môi trường tiếp nhận.

Lượng nước mưa chảy tràn nhiễm xăng dầu được tính theo công thức sau:

$$Q = 0.278.K.I.F$$

Trong đó:

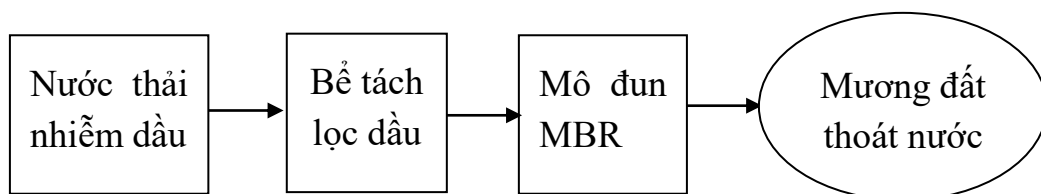
- Q: Lưu lượng cực đại của nước mưa chảy tràn, m³/ngày;
- K: Hệ số chảy tràn, phụ thuộc đặc điểm bề mặt đất, k = 0,5 - 0,7; chọn k = 0,5;
- I: Lượng mưa lớn nhất trong ngày. Lượng mưa ngày lớn nhất 747 mm/ngày (tại trạm Khí tượng - Thủy văn Đồng Hới, xuất hiện ngày 14/10/2016).
- F: Diện tích khu vực bể chứa xăng dầu (m²), lấy theo phần diện tích các móng bể chứa xăng dầu F = 30m².

$$Q = 0,278 \times 0,5 \times 0,747 \times 30 = 3,1\text{m}^3/\text{ngày}.$$

Tổng lượng nước thải nhiễm xăng dầu tại khu vực dự án là: 0,3 + 3,1 = 3,4 m³/ngày đêm.

* Về công trình và biện pháp xử lý:

- Sơ đồ xử lý nước thải nhiễm xăng dầu:



Hình 4.1. Sơ đồ xử lý nước thải nhiễm xăng dầu

Nước thải nhiễm dầu sẽ được xử lý sơ bộ tại bể tách lọc dầu inox SUS304 (có 02 lớp tách lọc dầu) với kích thước D x R x C: 1,1m x 0,8m x 0,85m được bố trí liền kề ngay khu bể chứa xăng dầu.

+ Nguyên lý vận hành của bể tách lọc dầu:

- Ngăn 1: Có giỏ lọc rác, có tay xách để đưa rác, đất đá và loại bỏ dầu sơ cấp ra ngoài nhờ vào lưới tách dầu (đổ bỏ bã dầu 2-3 ngày/lần).

- Ngăn 2: Tại đây thời gian lưu nước cho phép đủ để dầu nổi trên bề mặt nước. Đây là ngăn chính chứa dầu sẽ được thu bỏ 1-2 tuần/ lần. Nước sau khi được loại bỏ dầu được chảy qua ngăn thứ 3 để lọc dầu thêm một lần nữa.

- Ngăn 3: Là ngăn lọc dầu, phần dầu còn lại sẽ được lọc và loại bỏ tại ngăn này.

Nước thải sau khi được tách lọc dầu sẽ được dẫn về mô – đun xử lý nước thải tập trung sử dụng công nghệ MBR để tiếp tục xử lý đảm bảo đạt QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải kho và cửa hàng xăng dầu, áp dụng đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe trước khi xả vào môi trường tiếp nhận.

- Áp dụng các biện pháp chống thấm, bê tông hoá khu vực bể chứa xăng dầu để tránh nước thải nhiễm dầu ngấm vào đất.

- Vệ sinh bể chứa: cải tiến phương pháp vệ sinh bể, sử dụng hóa chất an toàn để xúc rửa bể phù hợp với loại hàng tồn chứa trong bể, hạn chế lượng nước cần sử dụng. Tách riêng hố van xả đáy và đường thoát nước thải xả đáy với rãnh thoát nước mưa quanh chân bể chứa.

- Nhập hàng: cải tiến phương pháp nhập hàng, xây dựng phương pháp đo tính hàng hóa ngay trên tuyến ống, để không cần đuổi nước.

- Tại bến xuất: lắp đặt hệ thống đo tính tự động hóa, thiết bị báo tràn, tự động dừng bơm, khớp nối khô, hạn chế rò rỉ xăng dầu.

- Van chặn: Bảo dưỡng, thay thế các van chặn trong kho thường xuyên, kịp thời. Trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng phải đặt khay hứng xăng dầu rò rỉ theo quy định.

- Tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải nhiễm dầu

- Sử dụng phương tiện súc rửa bể không phát sinh nước thải: tuần hoàn nước súc rửa và lắng tách dầu cặn, thu hồi dầu.

c) Đối với nước thải sinh hoạt:

**** Thành phần và tải lượng:***

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ phụ thuộc vào số lượng CBCNV, lượng khách hàng ra vào Dự án và hệ số phát sinh nước thải (bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước). Theo TCXDVN 33:2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công

trình - Tiêu chuẩn thiết kế, thì tiêu chuẩn cấp nước theo đầu người là 80 - 150 lít/ngày, ở đây theo điều kiện của Dự án lấy tiêu chuẩn cấp nước cho CBCNV là 100 lít/ngày. Với số CBCNV làm việc tại khu vực Dự án là 10 người, lượng khách hàng đến sử dụng dịch vụ tại khu vực Dự án có sử dụng nhà vệ sinh và dùng nước ước tính 20 người/ngày thì tổng lượng nước thải phát sinh là:

$$(10 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người} + 20 \text{ người} \times 10 \text{ lít/người}) \times 80\% = 0,96 \text{ (m}^3\text{)}$$

Trong đó:

+ Nước thải xám chiếm 80% tổng lượng nước thải là: 0,768 m³/ngày.

+ Nước thải đen chiếm 20% tổng lượng nước thải là: 0,192 m³/ngày.

- Nước thải xám: Phát sinh chủ yếu từ các hoạt động như: Vệ sinh chân tay

Đặc điểm của nước thải xám thường chứa chất rắn lơ lửng, BOD₅, NH₃, các vi khuẩn gây bệnh... Nếu nguồn thải này không được thu gom và xử lý mà được thải bỏ trực tiếp ra môi trường sẽ làm ô nhiễm cục bộ môi trường đất, nước ngầm khu vực. Đồng thời, nguồn thải này sẽ làm phát sinh mùi hôi nếu bị ứ đọng lâu ngày, làm phát sinh ruồi, muỗi gây ảnh hưởng đến sức khỏe của CBCNV, khách hàng tại khu vực dự án.

- Nước thải đen: Loại nước thải này phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân của CBCNV và khách hàng tại khu vực dự án. Các chất ô nhiễm có trong thành phần nước thải đen có mức độ gây ô nhiễm cao. Nếu nguồn thải từ quá trình sinh hoạt của CBCNV và khách hàng này không được thu gom và xử lý mà thải trực tiếp ra môi trường thì nguồn thải này sẽ ngấm xuống đất gây ô nhiễm cục bộ nguồn nước ngầm làm phát tán vi khuẩn gây bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe của CBCNV và ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực.

Bảng 4.8. Tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm trong NTSH giai đoạn vận hành

Chất ô nhiễm	Khối lượng chất ô nhiễm/người ^(*) (g/người/ngày)	Khối lượng (g/ngày)	Nồng độ (mg/lít)	QCVN14:2008/BTNMT	
				A	B
BOD ₅	45 – 54	675 – 810	563-675	30	50
Chất rắn lơ lửng	70 – 145	1050 – 2175	88-1806	50	100
Dầu mỡ	10 – 30	150 – 450	125-375	10	20
Tổng nitơ	6 – 12	90 – 180	75-150	30	50
Amoni	2,4 - 4,8	36 – 72	30-35	5	10
Tổng phôtpho	0,8 – 4	12 - 60	10-50	8	40
Tổng	10 ⁶ - 10 ⁹	10 ⁶ - 10 ⁹		3.000	5.000

Coliform	MPN/100ml	MPN/100ml			
----------	-----------	-----------	--	--	--

(Nguồn: (*) GS.TS Lâm Minh Triết- Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp, tính toán và thiết kế công trình – Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2008)

Như vậy, khi so sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý với QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, thì các chất ô nhiễm có trong thành phần nước thải có hàm lượng vượt nhiều lần giới hạn cho phép. Nếu nguồn thải này không được thu gom và xử lý mà thải trực tiếp ra môi trường thì nguồn thải này sẽ gây ô nhiễm đất, có thể gây ô nhiễm nước ngầm khu vực và khi thời tiết khu vực có mưa nguồn thải này theo nước mưa chảy tràn thoát về khu vực tiếp nhận làm nhiễm bản nguồn tiếp nhận này.

Bên cạnh đó, nguồn thải này còn làm phát tán vi khuẩn gây bệnh gây ảnh hưởng đến sức khỏe của CBCNV cũng như cộng đồng dân cư, gây mất mỹ quan khu vực. Vì vậy, trong quá trình thực hiện dự án chủ dự án sẽ có biện pháp xử lý nguồn thải này một cách hợp lý, để không gây ảnh hưởng đến môi trường.

** Về công trình và biện pháp xử lý:*

- Nước thải sinh hoạt tại dự án sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ được dẫn về mô đun hợp khối xử lý nước thải sử dụng công nghệ màng lọc MBR. Nước thải sau khi được xử lý tại mô đun hợp khối này sẽ được dẫn ra đường ống chảy về mương đất nằm liền kề khu vực phía Nam dự án và sau đó theo dòng chảy của mương đất về sông Phường Bún cách 1200m.

- Kết cấu:

+ Kích thước của hệ thống hầm cầu tự hoại 03 ngăn:

Ước tính lượng nước thải trung bình của bể tự hoại (nước thải đen) khoảng 0,48m³/ngày đêm; thời gian lưu giữ và xử lý tại hầm cầu tự hoại là 7 ngày đêm. Thể tích tối thiểu của hệ thống hầm cầu tự hoại được xác định như sau:

$$V_{hc} = Q_{\text{thải}} * t = 0,192 * 7 = 1,344 \text{ (m}^3\text{)}.$$

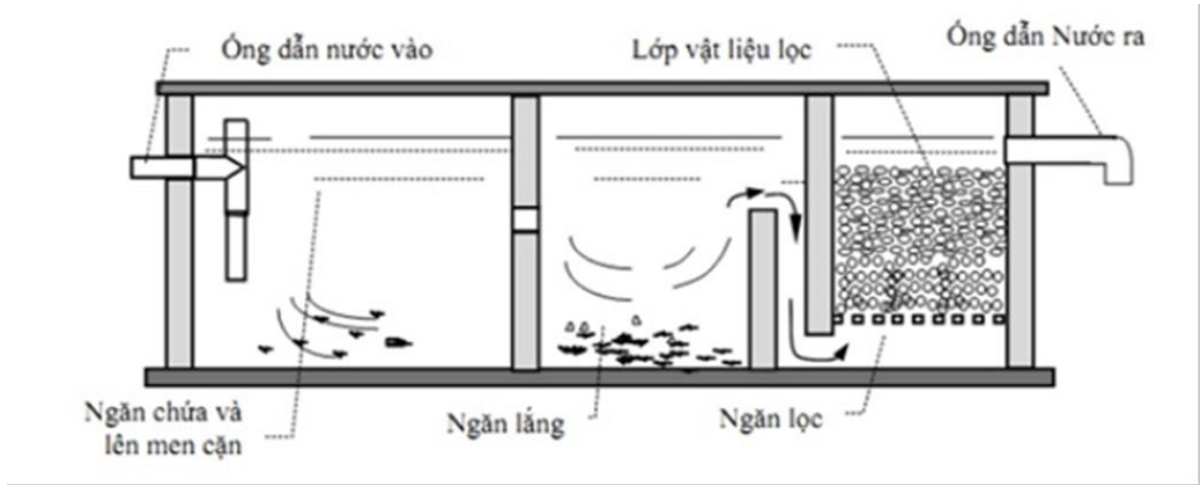
Trong đó:

+ V_{hc} là thể tích tối thiểu của hệ thống hầm cầu tự hoại;

+ $Q_{\text{thải}}$ là lưu lượng nước thải trung bình ngày: $Q_{\text{thải}} = 0,192 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm;

+ t là thời gian lưu giữ và xử lý nước thải đen trong hầm cầu tự hoại: $t = 7$ ngày đêm.

Có thể chọn kích thước của hầm cầu tự hoại là: $D \times R \times S = 2m \times 1m \times 1,5m$ (có thể tích $3m^3 > 1,344m^3$), đảm bảo thời gian lưu giữ và xử lý theo yêu cầu. Hầm cầu tự hoại phải được xây bằng bê tông cốt thép chắc chắn, có xử lý chống thấm; có chiều cao bảo vệ là 0,2m.

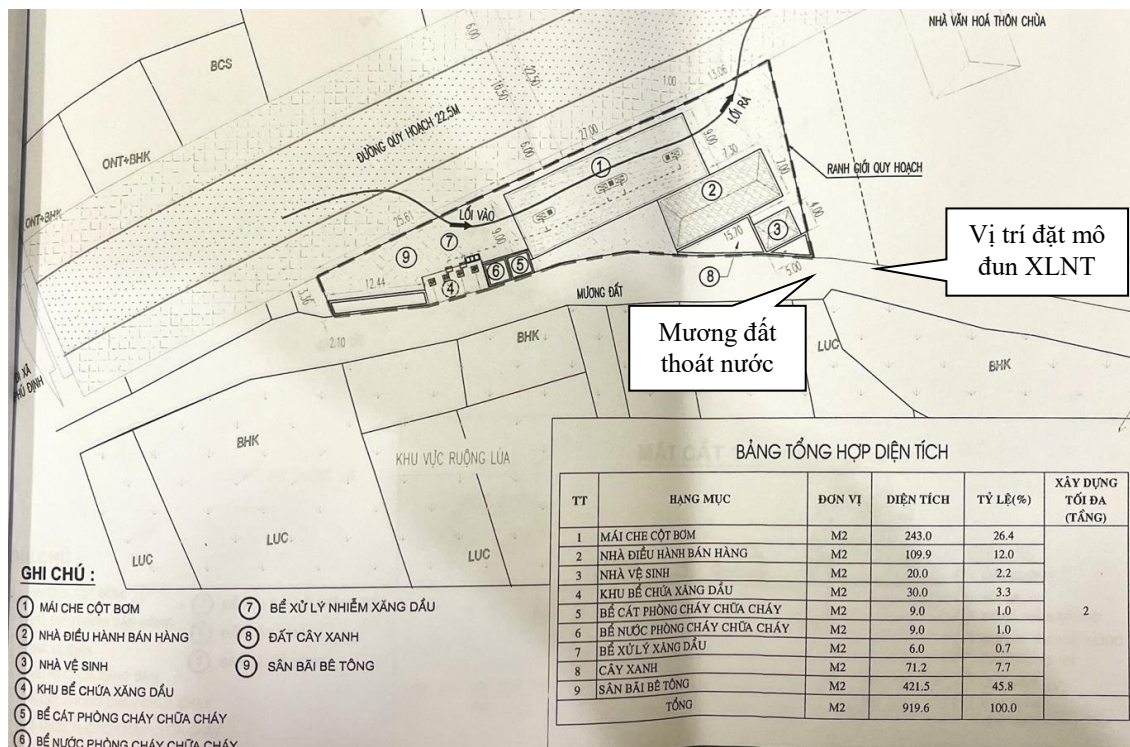


Hình 4.2. Sơ đồ hầm tự hoại 3 ngăn

Dự án đầu tư sẽ xây dựng mô đun hệ thống xử lý nước thải sử dụng công nghệ màng lọc MBR có công suất là $5 m^3/ngđ$.

+ Kích thước: $D \times R \times C: 2m \times 2m \times 1,5m$.

+ Vị trí: Mô đun hệ thống xử lý nước thải sử dụng công nghệ màng lọc MBR được đặt ở khu vực cây xanh phía nam dự án. (Toạ độ: $17^{\circ}34'54.68''N$, $106^{\circ}30'8.36''E$)



Hình 4.3. Vị trí hệ thống xử lý nước thải

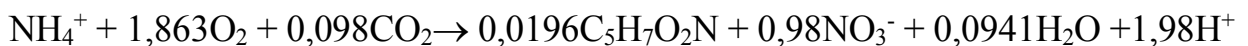
+ Nguyên lý hoạt động:

Nước thải sinh hoạt + nước thải nhiễm xăng dầu (đã tách lọc dầu) → Ngăn điều hòa → Ngăn anoxic → Ngăn aerotank kết hợp màng MBR → Nguồn tiếp nhận.

1. Ngăn điều hòa: Nước thải sẽ được điều hòa về lưu lượng và nồng độ các chất bẩn trước khi qua công đoạn xử lý kế tiếp. Để tránh quá trình phân hủy kỵ khí phát sinh mùi hôi và tạo điều kiện xử lý một số tạp chất hữu cơ dễ phân hủy, ngăn điều hòa được cấp khí liên tục.

2. Ngăn anoxic: Quá trình xử lý sinh học thiếu khí hiệu quả cao đối với chất ô nhiễm COD, BOD và oxy hóa amonia NH₃ thành nitrite NO₂⁻, cuối cùng là nitrate NO₃⁻. Chất dinh dưỡng được cung cấp theo tỷ lệ tính toán sơ bộ BOD:N:P = 100:5:1. Quá trình xử lý sinh học tồn tại đồng thời giữa vùng hiếu khí và vùng thiếu khí là điều kiện thích hợp cho các quá trình xử lý nitơ trong nước thải. Quá trình xử lý nitơ gồm 02 quá trình sau:

Quá trình nitrat hóa:



Quá trình khử nitrat:



Nitrat sinh ra từ quá trình nitrat hóa trong điều kiện hiếu khí được khuếch tán sang vùng thiếu khí cùng với cơ chất, tạo điều kiện thích hợp cho quá trình khử nitrat xảy ra trong cùng một bông bùn. Với sự kết hợp của quá trình nitrat hóa và khử nitrat, nồng độ nitơ trong nước thải được xử lý hiệu quả bởi sự kết hợp giữa ngăn sinh học thiếu khí và ngăn sinh học hiếu khí bùn hoạt tính. Ngăn anoxic được thiết kế bộ khuấy trộn nhằm đảo trộn đều nước thải và vi sinh vật. Nước sau ngăn anoxic sẽ tự chảy sang ngăn aerotank kết hợp màng MBR.

3. Ngăn aerotank kết hợp màng MBR: Tại ngăn sinh học hiếu khí aerotank, khí được cấp liên tục bằng máy thổi khí. Các vi sinh vật hiếu khí sẽ phân hủy các chất hữu cơ thành sản phẩm cuối cùng là CO₂ và H₂O, làm giảm nồng độ chất bẩn trong nước thải. Sau đó, nước thải được bơm qua màng lọc MBR. Tại đây, các chất rắn lơ lửng, bùn, vi khuẩn, virus,... sẽ được giữ lại ở màng lọc và chỉ cho phép nước sạch đi qua màng.

Nước thải sau khi được xử lý qua ngăn aerotank kết hợp màng MBR sẽ được khử trùng bằng NaOCl với liều lượng xác định. Nước sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải kho và cửa hàng xăng dầu, áp dụng đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe, sẽ chảy về mương đất phía nam Dự án. Định kỳ 1 lần/năm chủ dự án sẽ thuê đơn vị đủ chức năng để hút lượng bùn lắng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

Ưu điểm của công nghệ màng MBR:

+ Công nghệ màng lọc MBR được xem là công nghệ mới, triển vọng của tương lai có thể loại bỏ chất ô nhiễm khá triệt để.

+ Màng lọc MBR có thể sử dụng cho bể sinh học hiếu khí và kỵ khí

+ Sự kết hợp màng lọc MBR và bể sinh học như là một giai đoạn trong quy trình xử lý nước thải đóng vai trò thay thế bể lắng 2 giúp tiết kiệm diện tích, đồng thời có thể hoạt động ở nồng độ bùn cao hơn, giúp tăng hiệu quả xử lý bùn hoạt tính.

+ Nước thải đầu ra có chất lượng tốt do loại bỏ được vi khuẩn, vi sinh vật có kích thước rất nhỏ, Coliform, E-Coli gây bệnh

+ Do hoạt động ở nồng độ bùn cao nên hiệu suất của công nghệ màng tăng từ 20-30%, nước thải sau xử lý có thể tái sử dụng cho việc tưới cây, vệ sinh ...

+ Có thể thiết kế dạng mô đun áp dụng được nhiều quy mô công trình

+ Màng lọc MBR được phủ một lớp polymer thấm nước thuộc nhóm hydroxyl nên tuổi thọ cao, đảm bảo được độ bền và độ ổn định của hệ thống xử lý.

d) Đối với nước thải từ hoạt động tưới cây, rửa đường:

Đặc trưng của nguồn thải này không chứa thành phần hữu cơ dễ phân hủy và vi khuẩn gây bệnh mà chủ yếu là hàm lượng cặn do đó nguồn nước thải này có thể thu gom và thoát ra hệ thống thoát nước mưa.

4.2.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn.

a. Đối với rác thải sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh

+ Chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động dự án chủ yếu là rác thải từ quá trình sinh hoạt của CBCNV, khách hàng tại khu vực dự án.

- Tải lượng và mức độ tác động:

+ Nhìn chung chất thải rắn phát sinh trong khu vực chủ yếu là các dạng chất thải sinh hoạt dễ xử lý. Rác thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà văn phòng với thành phần chủ yếu là rác thải hữu cơ như giấy loại, thực phẩm dư thừa,...chiếm khoảng 20%. Rác thải khó phân hủy gồm các dụng cụ hư hỏng loại thải trong quá trình làm việc như: đồ nhựa, mảnh kim loại, thủy tinh, sành sứ, vỏ lon, bao nilon,... chiếm khoảng 80%.

+ Theo số liệu thống kê và tính toán của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong Báo cáo hiện trạng môi trường Quốc gia năm 2019 – Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, trung bình mỗi người dân sinh sống tại đô thị, khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền trung mỗi ngày thải ra môi trường khoảng 0,7 kg rác thải, ước tính mỗi khách hàng đến Dự án thải ra môi trường khoảng 0,1 kg rác thải. Với tổng số người làm việc tại khu vực dự án là 10 người, số khách hàng là 20 người/ngày thì tải lượng chất thải rắn là:

$$10 \text{ người} \times 0,7 \text{ kg/người/ngày} + 20 \text{ người} \times 0,1 \text{ kg/người} = 9 \text{ kg/ngày.}$$

+ Lượng rác thải thải ra trong một ngày trên toàn bộ khu vực dự án là khá nhỏ, tuy nhiên nếu không được thu gom và xử lý sẽ làm mất mỹ quan khu vực, ngoài ra các chất thải sinh hoạt bị tích tụ lâu ngày sẽ phân hủy sinh ra mùi hôi thối gây khó chịu, có thể chứa các chất độc hại ở thể khí hoặc lỏng, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân.

+ Chính vì vậy, khi dự án đi vào hoạt động, Chủ dự án sẽ hợp đồng với Đơn vị thu gom rác xã Tây Trạch để thu gom, vận chuyển rác thải đến bãi xử lý tập trung xử lý, tránh gây tổn động rác thải trong khu vực khuôn viên dự án.

- Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn:

+ Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên công ty cam kết thực hiện các nội quy của dự án về việc thu gom chất thải và đảm bảo vệ sinh khu vực, đồng thời cần bố trí thùng đựng rác để thu gom lượng rác thải phát sinh trong ngày; thực hiện đóng lệ phí rác thải theo từng quý theo quy định của cơ quan chức năng;

+ Phải phân loại chất thải rắn tại nguồn điều 75 Luật Bảo vệ môi trường ban hành ngày 01/01/2022. Rác thải sinh hoạt tại các khu nhà phải được thu gom phân loại thành rác thải có thể tái chế và rác thải không tái chế đựng riêng rẽ vào 2 thùng đựng rác loại 90l. Phối hợp với Đơn vị thu gom rác xã Tây Trạch thu gom vận chuyển rác thải đến bãi xử lý tập trung, tránh gây tổn động rác thải trong khu vực khuôn viên dự án.

b. Đối với chất thải nguy hại:

- Đối với chất thải nguy hại:

Sau khi tiến hành phân loại tại nguồn, chất thải rắn nguy hại như tấm lọc dầu, bóng đèn, pin...có tải lượng ước tính vào khoảng 8-10kg/năm, sẽ được lưu giữ tại dự án trong thùng rác có nắp đậy và dán nhãn rác thải nguy hại theo đúng hướng dẫn quy định của thông tư 02:2022/BTNMT. Sau đó, chủ Dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định tại thông tư 02:2022/BTNMT.

4.2.3. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Nguồn phát sinh:

+ Khi dự án đi vào hoạt động, tiếng ồn và độ rung phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án. Các phương tiện giao thông ra vào chủ yếu là xe máy và xe ô tô nên mức độ gây ồn là không đáng kể.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

+ Tuyên truyền trong các buổi họp công ty, yêu cầu cán bộ công nhân viên sử dụng phương tiện giao thông có ý thức, không bóp còi bừa bãi khi lưu thông trong khu vực dự án.

+ Bố trí trồng cây xanh tại những vị trí trong khuôn viên dự án như đã được phê duyệt để điều hòa vi khí hậu cho dự án, tạo cảnh quan và tạo môi trường trong lành, thoáng đãng cho khu vực.

+ Chủ dự án sẽ thực hiện hoạt động thu gom rác thải, vệ sinh đường phố xung quanh khu vực dự án định kỳ để đảm bảo mỹ quan khu vực.

4.2.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.

a. Sự cố đổ vỡ bồn chứa xăng dầu

Các bồn chứa tuân thủ theo đúng TCVN về kho chứa sản phẩm dầu mỏ, đồng thời tuân thủ theo các nguyên tắc:

- Vật liệu đúng qui cách và yêu cầu kỹ thuật, tính toán thiết kế phù hợp với mỗi loại hàng hóa dự kiến lưu trữ, vật liệu phải chịu được độ mài mòn cao và không bị ăn mòn bởi loại nhiên liệu sử dụng;

- Tất cả các bồn chứa nhiên liệu đều có hệ thống báo tràn tự động, các thiết bị này phải đảm bảo độ chính xác cao và luôn ở tình trạng sẵn sàng làm việc;

- Thường xuyên kiểm tra các hoạt động an toàn của các van thử;

- Trước khi đưa vào sử dụng kho xăng dầu phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan tổ chức kiểm tra độ an toàn của tất cả các loại bồn chứa. Và chỉ đưa thiết bị vào sử dụng khi đã được chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

- Trong suốt thời gian sử dụng, tiến hành kiểm tra an toàn định kỳ ít nhất 2 lần/năm. Nếu phát hiện thấy không đảm bảo an toàn thì nhanh chóng tiến hành sửa chữa hoặc thay thế dưới sự giám sát kỹ thuật của các cơ quan chuyên môn. Trước khi đưa vào sử dụng lại sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết như lúc đầu.

**** Xử lý sự cố đổ vỡ bồn chứa xăng dầu:***

- Toàn bộ khu vực nền bên trong cửa hàng phải được đổ đầy bằng bê tông và trải nhựa để tránh sự thấm nhiên liệu vào đất khi xảy ra sự cố.

- Khi sự cố xảy ra, tiến hành ngay các biện pháp thu gom nhiên liệu đổ trong khu vực cửa hàng để bảo vệ để tránh sự bay hơi của nhiên liệu. Lượng nhiên liệu thu hồi này sẽ được tách loại các tạp chất và sử dụng lại.

b. Sự cố đổ vỡ hệ thống đường ống nhập, xuất nhập

**** Biện pháp phòng ngừa***

- Thiết kế và thi công lắp đặt hệ thống đường ống đúng theo tiêu chuẩn dành riêng cho vận chuyển xăng dầu; đảm bảo hành lang vận hành hệ thống đường ống nhập xuất;

- Trước khi đưa vào hoạt động, tất cả hệ thống ống dẫn sẽ được kiểm tra thử độ thông thoáng và thử áp lực bằng nước.

- Xây dựng chi tiết các bảng nội qui và qui tắc an toàn lao động đối với khu vực xuất nhập xăng dầu;

- Lập chế độ tuần tra, kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khoá trên hệ thống đường ống, đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất, đồng thời kịp thời phát hiện sự cố và xử lý ngay.

* *Xử lý sự cố:* Sự cố vỡ hệ thống đường ống nhập xuất xăng dầu được xử lý bằng cách thiết kế lắp đặt hệ thống dẫn kỹ thuật bằng bê tông cốt thép. Tất cả các tuyến dẫn kỹ thuật này đều được thiết kế với một độ dốc nhất định về phía bể thu gom xăng dầu tập trung có nắp đậy kín. Khi xảy ra sự cố đổ vỡ, xăng dầu sẽ theo tuyến dẫn kỹ thuật này tự chảy vào bể thu gom qua các cửa van có thể đóng mở được. Thông thường các cửa van này luôn để chế độ mở và chỉ được đóng kín lại trong trường hợp xảy ra sự cố ngay sau khi lượng nhiên liệu trong tuyến dẫn kỹ thuật đã được chảy hết. Bể thu gom xăng dầu là một bể kín đặt ngầm dưới đất, phần dưới đáy bể được lãng cát sơ bộ ở lại phía trước cửa van. Việc tháo nước ra khỏi bồn thu hồi được thực hiện nhờ bơm hút nước hoạt động ở chế độ tự động theo hệ thống phao điều khiển mực nước bằng điện từ lắp đặt trong bể và dẫn nước đến công trình xử lý cục bộ nước mưa nhiễm dầu trước khi thải vào môi trường.

c. Đảm bảo an toàn về cháy nổ, chập điện, phòng chống sét, an toàn giao thông:

- Đánh giá các nguyên nhân của sự cố cháy nổ, chập điện:

+ Sự cố cháy nổ có thể gây ra do chập điện, các vật dễ cháy tiếp xúc với ngọn lửa hoặc có thể xảy ra sự cố cháy nổ liên quan đến xăng, dầu.

+ Sự cố chập điện có thể xảy ra nếu hệ thống điện được lắp đặt và vận hành không đúng kỹ thuật hoặc do sự bất cẩn của người sử dụng, khi sự cố này xảy ra có thể gây cháy các công trình, mức độ có thể ở phạm vi hẹp hoặc ở diện rộng hơn tùy thuộc vào tính chất từng công trình và khả năng ứng cứu sự cố.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, chập điện:

+ Xây dựng các phân khu, các công trình theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt;

+ Chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công các hạng nước cứu hỏa được bố trí dọc tuyến đường nội bộ của Dự án theo đúng thiết kế, nhằm ứng cứu kịp thời khi có sự cố cháy xảy ra tại Dự án;

+ Chủ dự án phối hợp với phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy hướng dẫn người dân thực hành các phương án, các biện pháp phòng chống cháy, nổ;

+ Bố trí hệ thống chống sét tại tất cả các công trình đảm bảo theo các quy định và tiêu chuẩn đã được nhà nước ban hành;

+ Các máy móc thiết bị làm việc ở môi trường nhiệt độ và áp suất cao phải có hồ sơ lý lịch được đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng.

+ Trong khu vực kho xăng dầu phải lắp đặt hệ thống báo cháy tự động và các hệ thống báo cháy tự động khẩn cấp. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy, kho hóa chất chữa cháy được thiết kế theo tiêu chuẩn API;

+ Tuyệt đối cấm hút thuốc, cấm sử dụng các dụng cụ phát ra lửa, cấm đi giày đóng đinh dưới để nhằm tránh phát tia lửa do ma sát.

** Xử lý sự cố cháy nổ:*

Công việc này nên được tiến hành theo các hướng dẫn cụ thể về phòng cháy chữa cháy do Bộ Công an ban hành. Trong trường hợp này, ý thức trách nhiệm của mỗi nhân viên tại cửa hàng là rất lớn. Khi phát hiện thấy lửa và nguy cơ gây cháy, bất kể ai cũng đều phải làm theo đúng các tiêu lệnh chữa cháy đã được chỉ dẫn sẵn trên từng hạng mục công trình trong khu vực kho chứa. Ngoài việc loan báo và gọi điện đến đội PCCC chuyên nghiệp tại khu vực cửa hàng, phải tiến hành ứng cứu ngay sự cố bằng các phương tiện và dụng cụ chữa cháy.

d. Sự cố sụt lún, rạn nứt nền đường:

- Đánh giá sự cố sụt lún, rạn nứt sân nền, đường giao thông nội bộ:

+ Sự cố về sụt lún, rạn nứt sân nền, đường giao thông nội bộ: có thể xảy ra do quá trình thi công không đúng kỹ thuật, quá trình lu lèn đất, đá nền đường không đảm bảo độ chặt theo thiết kế.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố sụt lún, rạn nứt nền đường:

+ Thi công các trục đường đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng. Khi thi công xong từng hạng mục, Chủ dự án sẽ tiến hành kiểm tra về chất lượng sân nền và đường giao thông nội bộ để có phương án xử lý trước khi đưa các trục đường vào sử dụng;

+ Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung trực tiếp quản lý Dự án sau này sẽ yêu cầu khách và cán bộ công nhân viên khi ra vào khu vực dự án để làm việc không sử dụng các phương tiện vượt quá trọng tải cho phép trên các tuyến đường nội dự án nhằm hạn chế sự cố hư hỏng các tuyến đường.

+ Chủ dự án tăng cường công tác kiểm tra sân nền, tuyến đường trong phạm vi dự án để phát hiện kịp thời các sự cố (phát hiện các vết nứt nền đường,...), kịp thời khắc phục và xử lý nhằm đảm bảo an toàn giao thông trong khu vực dự án.

e. Sự cố đối với đường ống thoát nước thải sinh hoạt:

- Trong quá trình vận hành hệ thống thu gom nước thải thì có thể xảy ra các sự cố như:

+ Rò rỉ nước thải do đường ống thu gom bị nứt, vỡ...dưới tác dụng của ngoại lực.

+ Lắng cặn trên đường ống nên giảm diện tích sử dụng và giảm khả năng thoát nước.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với đường ống thoát nước thải:

+ Sự cố tắc đường ống dẫn nước thải: Ban lãnh đạo công ty trực tiếp quản lý sẽ yêu cầu cán bộ công nhân viên khi làm việc tại trụ sở không nên cho các loại chất thải rắn có kích thước lớn thoát vào hệ thống thoát nước thải và định kỳ sẽ tiến hành kiểm tra nạo vét hệ thống thoát nước để đảm bảo hệ thống thoát nước thải khu vực được hoạt động tốt. Đồng thời, khi sự cố này xảy ra, chủ dự án sẽ tiến hành khắc phục, sửa chữa đường ống bị tắc, trả lại tính năng thoát nước thải cho hệ thống.

+ Đối với sự cố vỡ đường ống thoát nước thải: Để phòng chống sự cố này, chủ dự án sẽ thực hiện lắp đặt, vận hành hệ thống đường ống theo đúng thiết kế đã phê duyệt, lựa chọn vật liệu làm đường ống thoát nước thải có độ bền cao, chống chịu với thời tiết tốt để hạn chế rò rỉ, vỡ đường ống trong quá trình hoạt động; Khi có sự cố vỡ đường ống xảy ra, Chủ dự án sẽ huy động mọi nguồn lực tại chỗ để khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng được biết để hỗ trợ xử lý sự cố.

f. Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái.

Việc thực hiện quản lý, xử lý tốt các nguồn chất thải phát sinh và tác động của nước mưa chảy tràn như đã trình bày ở các mục trên sẽ giúp giảm thiểu, hạn chế tác động của các nguồn thải này đến hệ sinh thái xung quanh dự án.

g. Giảm thiểu tác động đến chế độ thủy văn, môi trường tiếp nhận nước thải.

Hệ thống thoát nước tốt và hợp lý có ý nghĩa rất quan trọng để hạn chế tác động với chế độ thủy văn và nguồn tiếp nhận nước thải.

Nước thải sinh hoạt tại dự án sau khi được xử lý sơ bộ bằng mô đun XLNT sử dụng công nghệ màng lọc MBR. Nước thải sau khi được xử lý tại mô đun này được dẫn về mương đất nằm liền kề phía Nam Dự án.

Xây dựng nguyên tắc dùng nước, thay đổi thói quen dùng nước, tuyên truyền nâng cao ý thức của người lao động trong sử dụng nước và tiết kiệm nước để hạn chế lượng nước thải sinh ra.

4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

4.3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án và dự toán kinh phí.

Căn cứ vào các tác động đến môi trường và các biện pháp giảm thiểu tương ứng trong quá trình dự án đi vào hoạt động. Chủ dự án lên kinh phí đầu tư đối với từng công trình bảo vệ môi trường theo bảng sau:

Bảng 4.9. Chi phí công tác bảo vệ môi trường

Nội dung công việc	Kinh phí thực hiện (đồng)	Tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> - Phun ẩm trên tuyến đường vận chuyển, phủ bạt thùng xe vận chuyển; - Sử dụng tôn cao 3m chắn ở xung quanh Dự án; - Che chắn bãi tập kết nguyên vật liệu. 	20.000.000	Đại diện Chủ dự án giám sát đơn vị thi công thực hiện	Từ lúc triển khai dự án đến khi kết thúc dự án
<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt nhà vệ sinh lưu động; - Bố trí các hướng thoát nước tạm trên các khu vực đang thi công. 	20.000.000	Đại diện Chủ dự án giám sát đơn vị thi công thực hiện	Tháng 04 năm 2023
<ul style="list-style-type: none"> - Thi công hệ thống thoát nước mưa. 	20.000.000	Đại diện Chủ dự án giám sát đơn vị thi công thực hiện	Tháng 05 năm 2023
<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí thùng đựng rác tại khu vực công trường để thu gom rác thải sinh hoạt, giẻ lau dính dầu mỡ và các vật loại thải khác. 	5.000.000	Đại diện Chủ dự án giám sát đơn vị thi công thực hiện	Từ lúc triển khai dự án đến khi kết thúc dự án
<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn về an toàn lao động cho cán bộ, công nhân trước khi làm việc tại công trường thi công; - Trang bị bảo hộ lao động; - Lắp đặt các biển báo, rào chắn, đèn chiếu sáng vào ban đêm tại những khu vực đang thi công. 	30.000.000	Chủ dự án giám sát đơn vị thi công thực hiện	Từ lúc triển khai dự án đến khi kết thúc dự án

Ghi chú: Mức kinh phí ở trên chỉ mang tính tương đối, mục đích định hướng cho Chủ dự án trong công tác thực hiện xây dựng các công trình BVMT cho Dự án. Khi Dự án thiết kế kỹ thuật và lập tổng dự toán, các hạng mục sẽ được tính toán chi tiết.

Ngoài ra trong quá trình hoạt động của dự án, Chủ dự án phải chú ý đến các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu trong phần trên của báo cáo, theo dõi thực hiện các công trình giám sát môi trường định kỳ hàng năm để kịp thời khắc phục. Đối với các hoạt động này kinh phí sẽ được lập vào xem xét vào từng thời điểm tiến hành giám sát hoặc theo đơn giá hiện hành. Toàn bộ nhân lực phục vụ công tác bảo vệ môi trường trong do công nhân tiến hành thực hiện, chương trình giám sát môi trường định kỳ sẽ thuê đơn vị tư vấn có đầy đủ chức năng, nhiệm vụ thực hiện và định kỳ nộp báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

4.3.2. Kế hoạch xây lắp, tổ chức, bộ máy, quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

Tổng thời gian thi công và lắp đặt hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn là: 09 tháng kể từ ngày khởi công.

Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác như phòng chống cháy nổ, lũ lụt, an toàn lao động... được thực hiện ngay từ quá trình vận hành thử nghiệm của dự án.

Chủ dự án sẽ trực tiếp quản lý dự án. Đồng thời sẽ đưa ra các nội quy về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động và cam kết tuân thủ nghiêm túc các nội quy đưa ra.

Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước để giám sát việc tuân thủ các quy định về môi trường.

4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Báo cáo đã đánh giá chi tiết về các nguồn gây tác động có liên quan đến cho chất thải (không khí, chất thải rắn, nước, tiếng ồn, độ trung) và các nguồn không liên quan đến chất thải (cảnh quan, kinh tế - xã hội, các rủi ro sự cố) và dựa trên cơ sở các phương pháp chính như: Phương pháp thống kê, Phương pháp nhận dạng, dự báo tác động, Phương pháp đánh giá nhanh, Phương pháp so sánh, Phương pháp liệt kê.

Dựa vào các phương pháp đánh giá, báo cáo đã tính toán được tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Các đánh giá này tính toán trong trường hợp chưa có biện pháp giảm thiểu, chưa đầu tư thiết bị công nghệ xử lý. Cũng chính vì vậy mà trên cơ sở các đánh giá, báo cáo đã đề ra được các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường một cách chi tiết và khả thi.

Công cụ và các phương pháp được sử dụng để đánh giá tác động môi trường trong báo cáo là các phương pháp phổ biến, nhằm đánh giá đầy đủ, chính xác, khoa học và khách quan về các tác động có thể xảy ra trong từng giai đoạn thực hiện Dự án.

Tất cả các phương pháp trên được các tổ chức quốc tế có uy tín khuyến nghị sử dụng và đã được áp dụng rộng rãi trong các báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Việt nam và cho các kết quả dự báo tốt đối với nhiều nghiên cứu tác động môi trường cho các loại hình Dự án khác nhau. Vì vậy, độ chính xác và tin cậy của các kết quả này là cao. Tuy nhiên, một số đánh giá trong báo cáo này còn định tính hoặc bán định lượng do chưa có đủ thông tin, số liệu chi tiết để đánh giá định lượng.

CHƯƠNG V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

5.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của khách hàng, nhân viên làm việc tại dự án và nước thải nhiễm dầu.

5.1.2. Lưu lượng xả thải tối đa

- Lưu lượng nước thải xả nước thải tối đa: 4,36 m³/ngày đêm.

5.1.3. Dòng nước thải

01 dòng nước thải.

5.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

- Các thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép: pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), COD, Tổng dầu mỡ khoáng.

- Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nằm trong QCVN 29:2010/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải kho và cửa hàng xăng dầu (áp dụng đối với Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe). Trong đó:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B)
1	pH	-	5,5 – 9
2	COD	Mg/l	150
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Mg/l	120
4	Tổng dầu mỡ khoáng	Mg/l	30

5.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả thải: cửa xả vào mương đất ở phía Nam dự án.

- Tọa độ điểm xả thải: 17°34'54.50"N, 106°30'8.39"E (hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3°, tuyến trục 106°).

- Phương thức xả thải: Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt quy chuẩn môi trường tại mô - đun xử lý nước thải được đầu nối vào mương đất ở phía Nam dự án theo phương thức xả nước tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải được dẫn ra mương đất ở phía Nam Dự án, sau đó theo dòng chảy chảy về sông phường Bún cách 1200m.

5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Dự án không phát sinh khí thải cần phải xử lý nên không đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải.

5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn và độ rung của dự án chủ yếu phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng. Tuy nhiên giai đoạn này tiếng ồn độ rung phát sinh không liên tục nên không thống kê được. Dự án không đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn và độ rung.

CHƯƠNG VI**KẾ HOẠCH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN TRÊN CƠ SỞ ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư.

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:**Bảng 6.1.** Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình BVMT

Công trình	Thời gian vận hành	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến	Ghi chú
Mô-đun xử lý nước thải bằng công nghệ MBR	Tháng 9/2024	Tháng 12/2024	85%	

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến đo đạc, lấy và phân tích các loại mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường.

Bảng 6.2. Kế hoạch đo đạc về thời gian dự kiến lấy mẫu chất thải

Loại mẫu	Thời gian lấy mẫu	Loại mẫu	Tần suất	Tiêu chuẩn so sánh
Nước thải sau xử lý	Tháng 5/2024	Mẫu đơn	01 lần/tháng	QCVN:29/2010
	Tháng 6/2024	Mẫu đơn	01 lần/tháng	QCVN:29/2010
	Tháng 7/2024	Mẫu đơn	01 lần/tháng	QCVN:29/2010

6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường thì dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ. Tuy nhiên, nhận thấy mức độ tác động, ô nhiễm của nước thải nhiễm dầu gây ra cho môi trường. Chủ dự án sẽ tiến hành quan trắc chất lượng nước thải nhiễm dầu định kỳ hằng năm.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Quan trắc nước thải:

Bảng 6.3. Chương trình giám sát chất thải

Loại mẫu	Vị trí	Số lượng	Tần suất	Thông số	Tiêu chuẩn so sánh
Nước thải	Cửa xả ra mương đất phía Nam dự án	01	6 tháng/lần	pH, TSS, COD, Tổng dầu mỡ khoáng	QCVN 29:2010/B TNMT (Cột B)

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Bảng 6.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

TT	Thông số	Đơn vị tính	Số lượng	Tần suất (lần/năm)	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	pH	mẫu	1	2	128.000	256.000	Đơn giá 817/QĐ-UBND
2	TSS	mẫu	1	2	542.000	1.084.000	
3	COD	mẫu	1	2	646.000	1.292.000	
4	Tổng dầu mỡ khoáng	mẫu	1	2	1.302.000	2.604.000	
	Tổng					5.236.000	

Tổng kinh phí thực hiện quan trắc định kỳ hàng năm: 5.236.000 VNĐ.

CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Chủ dự án cam kết các nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đều chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án “Cửa hàng Xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung”.

- Chủ dự án cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

** Cam kết thực hiện các biện pháp BVMT trong giai đoạn Dự án vào hoạt động
Các biện pháp tuyên truyền, vận động*

- Tuyên truyền, vận động toàn bộ cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án có ý thức BVMT, giữ gìn vệ sinh công cộng,...

- Vận động và kêu gọi nghiêm chỉnh chấp hành luật giao thông đường bộ,...

Các biện pháp kỹ thuật

- Hệ thống mô đun xử lý nước thải đúng theo quy định. Nước thải sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 29:2010/BTNMT trước khi thải vào điểm tiếp nhận nước thải.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom phân loại và thuê đơn vị chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

- Thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu, biện pháp an toàn trong quá trình vận hành, tu dưỡng các công trình trong phạm vi dự án khi xảy ra hư hỏng và hao mòn.

- Trồng cây xanh tại các vị trí thích hợp để tạo cảnh quan tại khu vực, dọc các vỉa hè của các tuyến đường trong khu vực dự án.

Các biện pháp quản lý

- Phối hợp với UBND phường để tạo sự giao lưu, hài hòa giữa các người dân chuyển tới sinh sống tại khu vực xung quanh dự án và doanh nghiệp.

- Xây dựng các biện pháp quản lý cây xanh, có các chế tài xử phạt và khen thưởng đối với các hành vi phá hoại hoặc bảo vệ cây xanh.

** Cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường*

Chủ dự án cam kết đảm bảo tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam, các Nghị định, Thông tư và các quy định liên quan. Xử lý các chất ô nhiễm thải ra môi trường đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành, bao gồm:

- Môi trường không khí: Đảm bảo chất lượng không khí xung quanh tại khu vực dự án nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 05:2023/BTNMT, đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- Nước thải: Nước thải nằm trong giới hạn cho phép ở cột B, QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải kho và cửa hàng xăng dầu. (Áp dụng đối với cửa hàng xăng dầu không có dịch vụ rửa xe.)

- Chất thải rắn: Quản lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Chủ dự án cam kết thực hiện tốt các yêu cầu của Quyết định phê duyệt Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và nội dung báo cáo, xử lý các loại chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành.

Chủ dự án cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp dự án triển khai và vận hành có các sự cố môi trường xảy ra.

Số: *11356*/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày *18* tháng *11* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
V/v thực hiện dự án đầu tư Cửa hàng Xăng dầu số 16
của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật;

Căn cứ Nghị định số 118/2015ND-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư Cửa hàng Xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung ngày 26/8/2020;

Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1973/STNMT-CCQLĐĐ ngày 21/9/2020; Sở Xây dựng tại Văn bản số 3243/SXD-QHKT ngày 25/9/2020 và Văn bản số 3700/SXD-QHKT ngày 09/11/2020; Sở Tài chính tại Văn bản số 3123/STC-ĐT ngày 16/9/2020; Sở Giao thông Vận tải tại Văn bản số 2649/SGTVT-KCHT ngày 16/9/2020; Sở Công Thương tại Văn bản số 1087/SCT-TM ngày 21/9/2020; Cục Thuế tại Văn bản số 2452/CT-NVDT ngày 15/9/2020; UBND huyện Bố Trạch tại Văn bản số 16649/UBND-KTHT ngày 12/10/2020 và UBND xã Tây Trạch tại Văn bản số 462/UBND ngày 15/9/2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 2882/KHĐT-DN ngày 16/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận Nhà đầu tư:

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG

- Mã số doanh nghiệp: 3100945949 đăng ký lần đầu ngày 11/11/2012, thay đổi lần thứ 2 ngày 14/11/2017 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 5, xã Phú Định, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông CAO BẢO NGỌC; Chức vụ: Giám đốc; sinh ngày 27/9/1983; CMND số: 194169463 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 11/6/2004; chỗ ở hiện tại: Thôn Quyết Tiến, thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.



Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. **Tên dự án đầu tư:** CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16

2. **Mục tiêu dự án:** Đầu tư xây dựng Dự án nhằm đáp ứng việc cung cấp nhiên liệu cho nhân dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Bồ Trạch; tạo việc làm cho lao động địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. **Quy mô dự án:** Xây dựng nhà điều hành bán hàng diện tích dự kiến 110m²; mái che cột bơm diện tích dự kiến 442m²; khu vực bể chứa xăng dầu diện tích dự kiến 90m²; cửa hàng bách hóa tổng hợp tự chọn diện tích dự kiến 65m²; quầy nghỉ ngơi phục vụ café, giải khát diện tích dự kiến 75m²; gara sửa chữa đơn giản diện tích dự kiến 70m² và các hạng mục phụ trợ khác.

4. **Địa điểm thực hiện dự án**

- Địa điểm: Đường liên xã Hoàn Lão - Phú Định, thôn Chùa, xã Tây Trạch, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Phạm vi, ranh giới dự án:

- + Phía Đông giáp đất Nhà văn hóa thôn Chùa;
- + Phía Nam giáp đất trồng lúa;
- + Phía Tây giáp đất trồng cây lâu năm;
- + Phía Bắc giáp đường liên xã.

5. **Diện tích sử dụng đất dự kiến:** 1.500m²

6. **Tổng vốn đầu tư và nguồn vốn**

- Tổng vốn đầu tư: 6.300 triệu đồng (*sáu tỷ ba trăm triệu đồng chẵn*).
- Nguồn vốn: Vốn tự có của nhà đầu tư (chiếm 50%) và vốn vay thương mại (chiếm 50%).

7. **Thời hạn hoạt động của dự án:** 50 năm, kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư.

8. **Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:** Khởi công trong vòng 12 tháng kể từ ngày có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư; hoàn thành, đưa Dự án vào hoạt động trong vòng 12 tháng kể từ ngày khởi công.

Điều 2. Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án

Nhà đầu tư có trách nhiệm phải thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện Dự án trong thời gian 01 tháng kể từ ngày có Quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định hiện hành của Chính phủ và của tỉnh.

Điều 4. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Tổ chức lập quy hoạch chi tiết trong phạm vi khu đất thực hiện Dự án, lấy ý kiến các cơ quan liên quan trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư để ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án theo quy định.

3. Lập Kế hoạch bảo vệ môi trường và Kế hoạch ứng phó với sự cố tràn dầu trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai Dự án.

4. Đăng ký nhu cầu sử dụng đất qua UBND huyện Bồ Trạch để trình bổ sung quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của UBND huyện Bồ Trạch theo quy định; Nhà đầu tư chỉ được chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất sau khi Dự án được bổ sung vào phương án quy hoạch sử dụng đất của tỉnh và của huyện Bồ Trạch theo đúng quy định; trường hợp không được bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất, Nhà đầu tư không thực hiện thủ tục thuê đất theo quy định, chậm triển khai Dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh chấm dứt Dự án theo đúng quy định của pháp luật.

5. Làm việc với các cơ quan liên quan thực hiện đấu nối với tuyến đường giao thông khu vực hiện có đảm bảo theo đúng quy định; xác định phạm vi đất xây dựng, đảm bảo nằm ngoài phạm vi đất quy hoạch giao thông đường bộ.

6. Đáp ứng và duy trì việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật trong suốt thời gian hoạt động của Dự án.

7. Tuân thủ các quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng, đấu nối giao thông, quy hoạch mở rộng đường giao thông; đất đai, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, hành lang bảo vệ an toàn giao thông... và các quy định pháp luật có liên quan khác.

8. Đảm bảo góp vốn và huy động vốn đầu tư đầy đủ, đúng tiến độ để thực hiện Dự án như đã cam kết.

9. Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 70 Luật Đầu tư. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

10. Trường hợp Nhà đầu tư không thực hiện đúng các quy định trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

- Quyết định chủ trương đầu tư là thủ tục ban đầu để Nhà đầu tư có cơ sở thực hiện các thủ tục tiếp theo nhằm đảm bảo các điều kiện pháp lý triển khai đầu tư Dự án. Trong quá trình thực hiện các thủ tục này, Nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến Dự án.

- Các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp, hướng dẫn và yêu cầu Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và chủ trương đầu tư Dự án; trường hợp có phát sinh các vướng mắc về pháp lý thì kịp thời kiến nghị UBND tỉnh xử lý theo quy định.

- Quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư nếu phát hiện có đất, tài sản trên đất là tài sản công, đất rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, di tích lịch sử, văn hóa, đất/công trình an ninh quốc phòng hoặc đất/tài sản trên đất khác được quản lý đặc thù thì các cơ quan nhà nước liên quan có trách nhiệm tham mưu xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành trước khi thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê thực hiện Dự án.

Điều 6. Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư

Quyết định chủ trương đầu tư sẽ chấm dứt hiệu lực sau 12 tháng nếu nhà đầu tư không triển khai thực hiện dự án hoặc không có khả năng triển khai thực hiện Dự án theo đúng tiến độ đăng ký với cơ quan đầu tư theo quy định tại Điểm g,



Khoản 1, Điều 48 Luật Đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn hoãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Đầu tư.

Quyết định chủ trương đầu tư hết hiệu lực trong trường hợp Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Khoản 1, Điều 48 Luật Đầu tư.

Điều 7. Quyết định này được lập thành 03 bản. Nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, 01 bản được lưu tại UBND tỉnh./

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TNMT, XD, CT, GTVT;
- UBND huyện Bố Trạch;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVCN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: 497/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 09 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

(Cấp lần đầu: Ngày 18 tháng 11 năm 2020)

(Điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 09 tháng 3 năm 2023)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến
hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến
đầu tư;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 4356/QĐ-UBND ngày 18 tháng
11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc thực hiện dự án
Cửa hàng xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại tổng hợp xăng dầu
Việt Trung;

Căn cứ Thông báo kết luận số 50-TB/BCSD ngày 28/02/2023 của Ban cán
sự đảng UBND tỉnh;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo của
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp xăng dầu Việt Trung nộp (có sửa đổi, bổ
sung) ngày 12 tháng 01 năm 2023;

Xét ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tại Công văn số 2993/SXD-QHKT
ngày 18/11/2022; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3141/STNMT-
QLDD ngày 24/11/2022; UBND huyện Bố Trạch tại Công văn số 2203/UBND-
TNMT ngày 29/11/2022; Cục Thuế tỉnh tại Công văn số 3881/CTQBI-NVDTPC
ngày 11/11/2022; Bảo hiểm xã hội tỉnh tại Công văn số 3315/BHXH-QLT ngày
02/12/2022

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm
định số 324/KHĐT-QLĐT ngày 21/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Cửa hàng xăng dầu
số 16 của Công ty TNHH Thương mại tổng hợp xăng dầu Việt Trung đã được





chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 4356/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình với nội dung điều chỉnh như sau:

Nội dung tiến độ thực hiện dự án đầu tư được quy định tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 được điều chỉnh như sau:

“8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động trước ngày 31 tháng 01 năm 2024”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1. Trách nhiệm của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư là cơ sở để nhà đầu tư thực hiện các thủ tục tiếp theo nhằm đảm bảo các điều kiện pháp lý triển khai đầu tư dự án. Trong quá trình thực hiện các thủ tục, nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được thực hiện; chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh từ hành vi kê khai thông tin không chính xác, giả mạo nội dung hồ sơ tài liệu.

- Triển khai dự án theo đúng chủ trương đầu tư đã được điều chỉnh và đúng tiến độ nhà đầu tư đã cam kết.

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về đầu tư, doanh nghiệp, quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, phòng cháy và chữa cháy, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.

2. Trách nhiệm của sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

- Các sở, ngành, đơn vị, địa phương phối hợp, hướng dẫn và yêu cầu Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và chủ trương đầu tư dự án; trường hợp có phát sinh các vướng mắc về pháp lý thì kịp thời kiến nghị UBND tỉnh xử lý theo quy định.

- Các sở, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện đầy đủ, chính xác, chặt chẽ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm tuân thủ đúng quy định về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các thủ tục giao đất, cho thuê đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật, kịp thời để nhà đầu tư triển khai dự án đúng tiến độ được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành, địa phương liên quan thường xuyên kiểm tra, giám sát Dự án triển khai thực hiện đúng tiến độ cam kết; có biện pháp xử lý nghiêm trong trường hợp Dự án chậm tiến độ.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không thể tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 4356/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh.

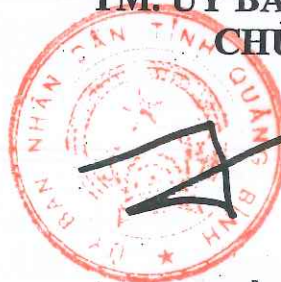
2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND huyện Bồ Trạch và Công ty TNHH Thương mại tổng hợp xăng dầu Việt Trung có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho Công ty TNHH Thương mại tổng hợp xăng dầu Việt Trung và một bản được lưu tại UBND tỉnh Quảng Bình.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TN&MT, XD;
- BHXH tỉnh; Cục thuế tỉnh;
- UBND huyện Bồ Trạch;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thắng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH**

Số: 1367/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bố Trạch, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng dự án Cửa hàng xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung, tỷ lệ 1/500

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Hoàn Lão đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Thực hiện dự án đầu tư Cửa hàng xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung;

Căn cứ Công văn số 667/SXD-QHKT ngày 26/3/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Bình về việc cho ý kiến đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Cửa hàng xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung;

Căn cứ Biên bản hội nghị ngày 22/3/2021 về việc thông qua Quy hoạch chi tiết xây dựng Cửa hàng xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung giữa đại diện cốt cán xã Tây Trạch, Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung và đại diện đơn vị tư vấn;

Xét Tờ trình số 32/TTr-CTy ngày 23/3/2021 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Cửa hàng xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Báo cáo thẩm định số 118/TĐ-KTHT ngày 27/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Cửa hàng xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung với những nội dung sau:

W

1. **Tên đồ án quy hoạch:** Cửa hàng xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung, tỷ lệ 1/500.

2. **Phạm vi, ranh giới khu vực quy hoạch**

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp đường liên xã.
- Phía Nam giáp đất trồng lúa.
- Phía Đông giáp đất Nhà văn hóa thôn Chùa.
- Phía Tây đất trồng cây lâu năm.

3. **Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch:** 919,6m².

4. **Nhà đầu tư:** Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung.

5. **Đơn vị lập hồ sơ Quy hoạch chi tiết:** Công ty TNHH Tư vấn Giao thông Miền Trung.

6. **Nội dung quy hoạch:** Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 làm cơ sở cho việc đầu tư xây dựng dự án Cửa hàng xăng dầu số 16 của Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung, trong đó xác lập các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, đảm bảo hợp lý về sử dụng đất, đẹp về không gian kiến trúc cảnh quan, đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu vực xung quanh.

7. **Quy hoạch sử dụng đất:** Quy hoạch bố trí các khu chức năng trong khu đất với quy mô và các chỉ tiêu cụ thể như sau:

7.1. *Bảng tổng hợp chức năng sử dụng đất*

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	MĐXD tối đa (%)
1	Mái che cột bơm	243	26,4	01	40
2	Nhà điều hành bán hàng	109,9	12	02	
3	Nhà vệ sinh	20	2,2	01	
4	Khu bể chứa xăng dầu	30	3,3	-	
5	Bể cát PCCC	9	1,0	-	
6	Bể nước PCCC	9	1,0	-	
7	Bể xử lý xăng dầu	6	0,7	-	
8	Sân bê tông	421,5	45,8	-	
9	Cây xanh cảnh quan	71,2	7,7	-	
	Tổng	919,6	100,0	03	

7.2. *Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan*

- Các công trình kiến trúc được xây dựng mới, đảm bảo các tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật, xác định tầng cao công trình tối đa 02 tầng.

- Bố trí hệ thống đường giao thông nội bộ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đi kèm trong khu vực lập quy hoạch nhằm kết nối các khu chức năng với nhau tạo thành mạng lưới hoàn chỉnh.

- Chỉ giới xây dựng, định vị các công trình: Theo kích thước quy định tại các bản vẽ quy hoạch.

- Mật độ xây dựng gộp tối đa của khu đất 40%. *on*

V4

8. Hạ tầng kỹ thuật

8.1. *San nền*: Thiết kế cao độ san nền dựa trên cơ sở cao độ của tuyến đường liên xã rộng 22,5m về phía Bắc của khu vực lập quy hoạch. Độ dốc san nền từ Bắc đến Nam.

8.1. *Giao thông*

- Giao thông đối ngoại: Khu vực quy hoạch được đấu nối với tuyến đường liên xã quy hoạch rộng 22,5m về phía Bắc.

- Giao thông đối nội: Bố trí đường nội bộ kết hợp sân bê tông nhằm kết nối các khu chức năng.

8.3. *Cấp điện*: Nguồn cấp điện được đấu nối với nguồn điện hiện có chạy dọc theo tuyến đường liên xã quy hoạch rộng 22,5m về phía Bắc của khu vực lập quy hoạch. Sử dụng hệ thống đường dây 0,4KV để cấp điện cho các công trình trong các khu chức năng.

8.4. *Cấp nước sinh hoạt, PCCC*: Sử dụng hệ thống giếng khơi, giếng khoan để cấp nước đến bể chứa nước, sử dụng hệ thống các tuyến ống cấp nước để cấp đến các công trình trong các khu chức năng.

8.5. *Thoát nước mưa*: Nước mưa chủ yếu tự chảy theo địa hình được thu gom về hệ thống rãnh thoát nước sau đó đổ ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

8.6. *Thoát nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt chủ yếu tự thấm vào đất sau khi được xử lý cục bộ tại các bể lọc, bể lắng của các công trình trong khu vực lập quy hoạch.

8.7. *Quy hoạch chất thải rắn và vệ sinh môi trường*: Chất thải rắn được thu gom bỏ vào các thùng chứa rác để đưa đi xử lý. Trồng cây xanh trong khu vực lập quy hoạch và đảm bảo tốt công tác vệ sinh môi trường đồng thời cải thiện môi trường và khí hậu.

Điều 2. Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Tây Trạch tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch chi tiết để các cá nhân, tổ chức biết và thực hiện. Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung căn cứ vào quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt để triển khai làm các thủ tục tiếp theo.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các ban ngành liên quan, Chủ tịch UBND xã Tây Trạch, Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Xăng dầu Việt Trung và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Vĩnh Trung

QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG

THIẾT BỊ TÁCH DẦU DSMART



Nguyên lý hoạt động của thiết bị tách dầu chia làm 4 giai đoạn:

GIAI ĐOẠN

01

Tách rác, cặn: Rác thải từ quá trình rửa xe: dẻ lau, các phụ kiện nhỏ, cành, lá cây,... sẽ đi theo dòng nước thải vào trong bể. Tại đây rác thải sẽ được thu vào trong rọ rác và được nhắc đổ bỏ sau 1 - 2 ngày hoạt động.

GIAI ĐOẠN

02

Tách dầu: Nước thải chứa dầu sẽ đi theo vách hướng dòng sang ngăn 2. Tại đây thời gian lưu cho phép đủ để dầu nổi lên trên mặt nước. Lượng dầu này sẽ được thu bỏ bằng van xả dầu 3 - 4 tuần/ lần.

GIAI ĐOẠN

03

Lọc dầu: Tại đây nước thải được lọc qua tấm lọc dầu bằng vải lọc dầu SOS - 01. Nước thải tại ngăn 3 được lọc dầu 2 lần. Tấm lọc dầu này sẽ được thay định kỳ là: 1 năm/ lần

GIAI ĐOẠN

04

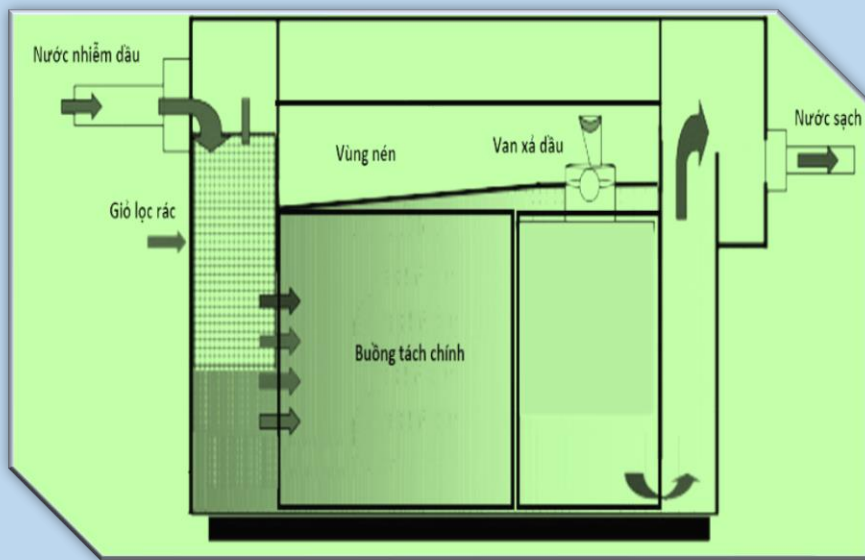
Lọc tinh: Nước thải tại ngăn 4 sẽ được đi qua vật liệu lọc để loại bỏ các cặn bẩn, các chất lơ lửng, phù du,... ra khỏi nước thải. Tại đây nước còn được khử trùng trước khi thải ra hệ thống thoát nước khu vực hoặc trước khi đầu nối với hệ thống XLNT tập trung.

ĐẶC ĐIỂM THIẾT BỊ

- + Được sản xuất bằng inox SUS304 hoặc Composite
- + Có độ bền cao từ 30 - 50 năm
- + Dễ lắp đặt và vận hành thiết bị
- + Không phát sinh mùi, khí thải.
- + Sử dụng tiện lợi, có thể di động trên khung bánh xe

ỨNG DỤNG:

- + Tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ sửa xe, rửa xe, bảo dưỡng xe
- + Dầu máy tại các khu công nghiệp



MODEL	LƯU LƯỢNG (M3/H)	KÍCH THƯỚC (L,W,H)			ĐẦU VÀO (mm)	ĐẦU RA (mm)	Lắp đặt
		(Lmm)	(WĐmm)	(Hmm)			
DS – V01	0.5 - 1.2	1100	800	850	60/90	60/110	Nổi/chìm
DS – V02	1.0 - 2.0	1350	900	1000	48	48 - 60	Nổi
DS – V03	2.0 - 3.0	1550	1010	1300	48	48 - 60	Nổi
DS – V04	3.0 - 4.5	1850	1010	1450	48	48 - 60	Nổi
DS – V05	4.5 - 5.5	2200	1010	1450	48	48 - 60	Nổi
DS – V10	9.5 – 10.5	3180	1010	1450	90	90	Nổi
DS – V15	14.5 - 15.5	3780	1250	1550	110	110	Nổi
DS – V20	20 (+/- 0.5)	4150	1250	1550	140	140	Nổi

- DSmart có 2 dòng sản phẩm chính: Dòng sản phẩm đặt nổi và dòng sản phẩm đặt chìm
- **DS-V01** là Model đơn giản, không có tính năng khử khuẩn, khử trùng.
- Sản phẩm đặc biệt sử dụng thuận lợi với Model đặt nổi, dễ dàng thu hồi dầu mỡ khoáng.
- Với Model đặt chìm, cần tích hợp hệ thống xây dựng có sẵn cho phù hợp. Khuyến cáo cần có thiết kế cụ thể phù hợp cho từng dự án.
- Các Model có công suất lớn hơn được tư vấn tính toán thiết kế theo yêu cầu dự án.
- Các thiết bị lớn sẽ được thiết kế tùy chỉnh theo thông số kỹ thuật cần thiết của mỗi dự án.
- Tất cả các thiết bị được thiết kế phù hợp cho từng công suất/lưu lượng

CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU

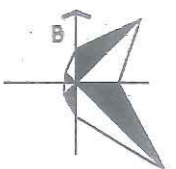


CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG VINACEE VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: ĐỘI 1, XÃ TẢ THANH OAI, HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HOTLINE: 094.222.6986/ 0837.145.888 ; EMAIL: VINACEECO@GMAIL.COM

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
 CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
 BẢN VẼ HIỆN TRẠNG; TỶ LỆ 1/500



GHI CHÚ

- KHU VỰC QUY HOẠCH NẪM TRÊN THỪA ĐẤT SỐ 67, 68, 104, 105, 106 TỜ BẢN ĐỒ 14 THUỘC THÔN CHÙA TXAX TÂY TRẠCH, HUYỆN BỐ TRẠCH LÀ LOẠI ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM KHÁC
- HIỆN TRẠNG KHU VỰC QUY HOẠCH LÀ BÃI ĐẤT TRỐNG.

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH TMTH XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
 KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 32/TTR-CTY, NGÀY 23 THÁNG 3 NĂM 2020

Hào Bảo Ngọc

TÊN QUY HOẠCH:
 QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
 CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG

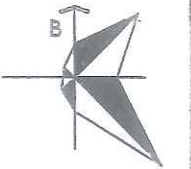
TÊN BẢN VẼ:
 BẢN VẼ HIỆN TRẠNG

BẢN VẼ: QH - 01	A3	TỶ LỆ: 1/500	HT-KT: 12-2020
THIẾT KẾ	KTS. PHAN ĐÌNH PHONG		
Q.L. KỸ THUẬT	THS.KS. LÊ HÀ PHƯƠNG		
CHỦ TÀI CHỨC ĐẠ	KTS. NGUYỄN XUÂN DU		
GIÁM ĐỐC:			THS.KS. LÊ HÀ PHƯƠNG

MIỀN TRUNG
 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN GIAO THÔNG

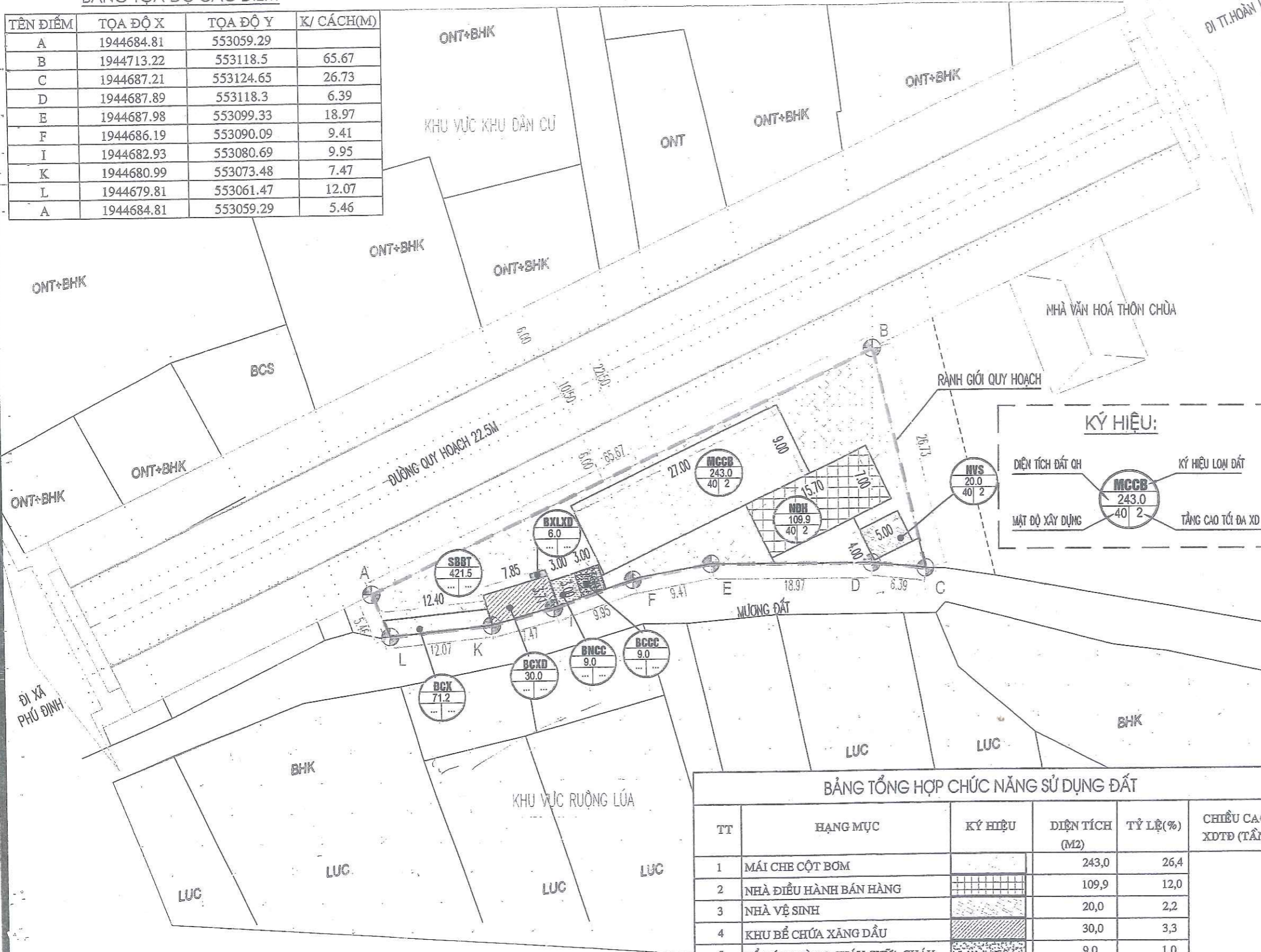
ĐỊA CHỈ: 08 LƯƠNG ĐÌNH CỬA, TP. ĐỒNG HỚI, T. QUẢNG BÌNH.
 TEL : 0988.068.788 - EMAIL: TVGTMIENTRUNG@GMAIL.COM

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
BẢN VẼ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT; TỶ LỆ 1/500



BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM

TÊN ĐIỂM	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y	K/ CÁCH(M)
A	1944684.81	553059.29	
B	1944713.22	553118.5	65.67
C	1944687.21	553124.65	26.73
D	1944687.89	553118.3	6.39
E	1944687.98	553099.33	18.97
F	1944686.19	553090.09	9.41
I	1944682.93	553080.69	9.95
K	1944680.99	553073.48	7.47
L	1944679.81	553061.47	12.07
A	1944684.81	553059.29	5.46



KÝ HIỆU:

DIỆN TÍCH ĐẤT CH	KÝ HIỆU LOẠI ĐẤT
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	TẦNG CAO TỐI ĐA XD

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: .../QB-UBND, NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021

PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Vĩnh Trung

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG HUYỆN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: .../TB-KTHT, NGÀY ... THÁNG ... NĂM 2021

B. My Minh

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH TMTH XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
KÈM THEO TỜ TRÌNH .../TR-CTY, NGÀY ... THÁNG ... NĂM 2021

Cao Bảo Ngọc

BẢNG TỔNG HỢP CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT

TT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)	CHIỀU CAO XĐTĐ (TẦNG)
1	MÁI CHE CỘT BOM		243,0	26,4	2
2	NHÀ ĐIỀU HÀNH BÁN HÀNG		109,9	12,0	
3	NHÀ VỆ SINH		20,0	2,2	
4	KHU BỂ CHỨA XĂNG DẦU		30,0	3,3	
5	BỂ CÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY		9,0	1,0	
6	BỂ NƯỚC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY		9,0	1,0	
7	BỂ XỬ LÝ XĂNG DẦU		6,0	0,7	
8	CÂY XANH		71,2	7,7	
9	SÂN BÃI BÊ TÔNG		421,5	45,8	
TỔNG			919,6	100,0	

TÊN QUY HOẠCH:
QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG

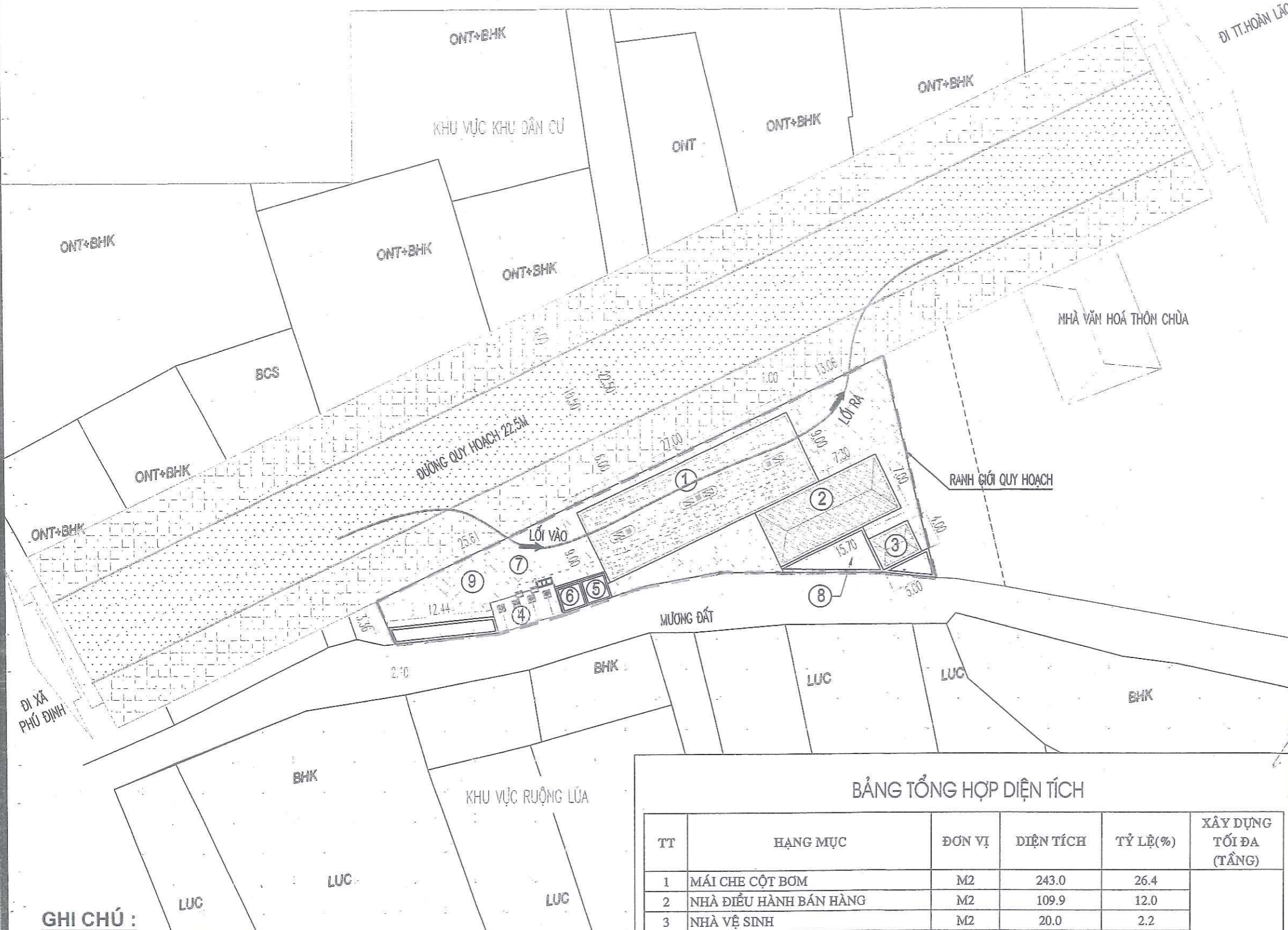
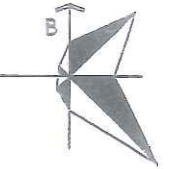
TÊN BẢN VẼ:
BẢN VẼ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-01	A3	TỶ LỆ: 1/500	HT-KT: 02-2021
---------------	----	--------------	----------------

THIẾT KẾ: KTS. PHAN ĐÌNH PHONG
Q.L. KỸ THUẬT: THS.KS. LÊ HỮU PHƯƠNG
CHỦ TRƯỞNG: KTS. NGUYỄN XUÂN DU
GIÁM ĐỐC: MIỀN TRUNG
THS.KS. LÊ HỮU PHƯƠNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN GIAO THÔNG
MIỀN TRUNG
ĐỊA CHỈ: 08 LƯƠNG ĐÌNH CỬA, TP. ĐỒNG HỚI, T. QUẢNG BÌNH.
TEL: 0988.068.788 - EMAIL: TVGTMIENTRUNG@GMAIL.COM

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CỦA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
BẢN VẼ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN; TỶ LỆ 1/500



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 15/2021/QĐ-UBND NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021

(Signature)
PHÓ CHỦ TỊCH

(Seal)
Huyện Bồ Trách

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG HUYỆN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ /TP-KTHT NGÀY THÁNG NĂM 2021

(Signature)

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH TMTH XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ /TR-CY NGÀY THÁNG NĂM 2021

(Signature)
Trần Bảo Ngọc

TÊN QUY HOẠCH:
QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CỦA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN VẼ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

BẢN VẼ: QH - 01 A3 TỶ LỆ: 1/500 HT-KT: 02-2021

THIẾT KẾ: KTS. PHAN ĐÌNH PHONG
Q.L. KỸ THUẬT: TNS. K.S. LÊ HẠ PHƯƠNG
CHỦ TRƯỞNG: TS. NGUYỄN VĂN DU
GIÁM ĐỐC: MIỄN TRUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN GIÁC
MIỄN TRUNG
ĐỊA CHỈ: 08 LƯƠNG ĐÌNH CỬA, TP. ĐỒN
TEL: 0988.068.788 - EMAIL: TVTGMIENTRUNG

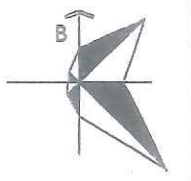
GHI CHÚ :

- ① MÁI CHE CỘT BƠM
- ② NHÀ ĐIỀU HÀNH BÁN HÀNG
- ③ NHÀ VỆ SINH
- ④ KHU BỂ CHỨA XĂNG DẦU
- ⑤ BỂ CÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
- ⑥ BỂ NƯỚC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
- ⑦ BỂ XỬ LÝ NHIỄM XĂNG DẦU
- ⑧ ĐẤT CÂY XANH
- ⑨ SÂN BÃI BÊ TÔNG

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH

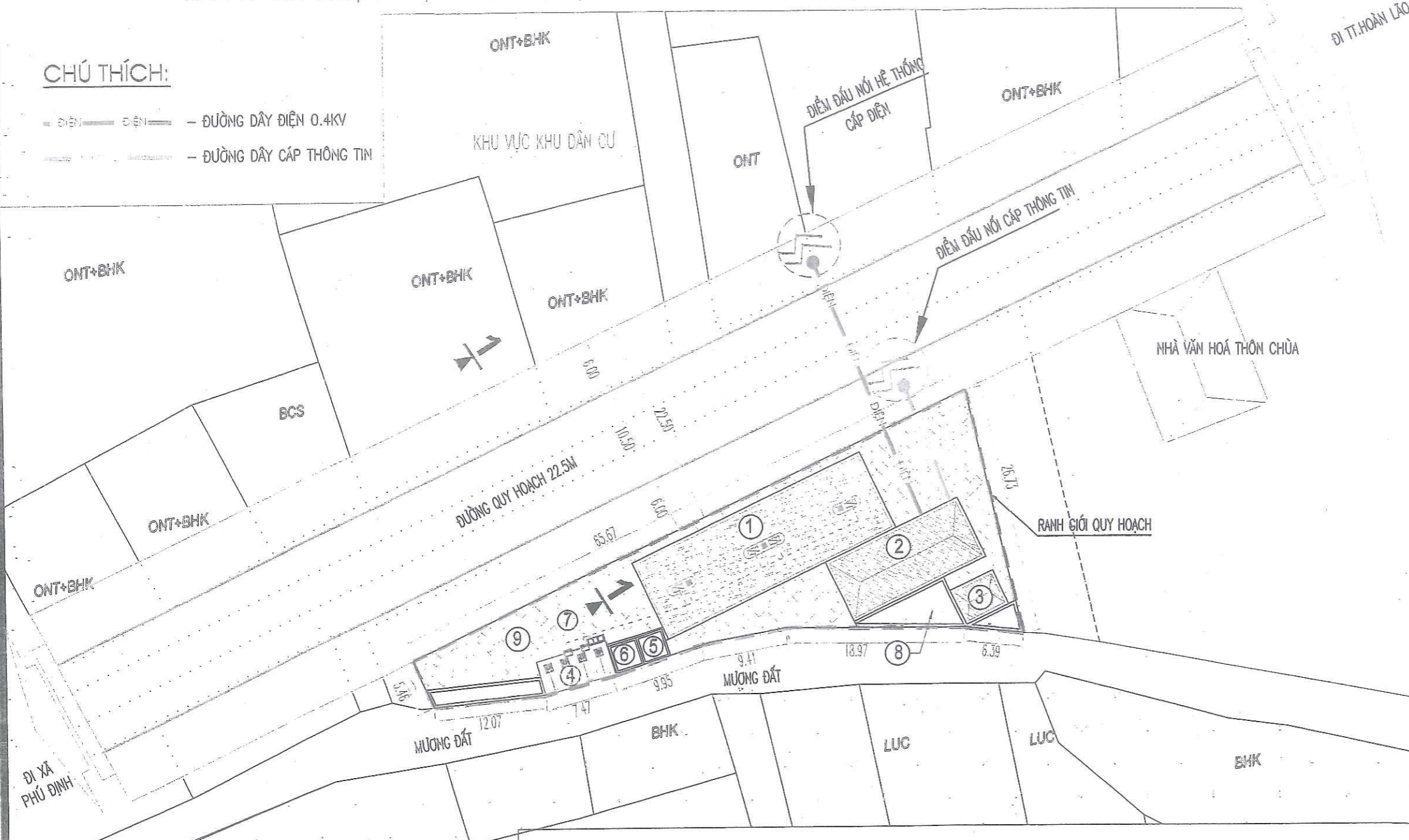
TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	DIỆN TÍCH	TỶ LỆ(%)	XÂY DỰNG TỐI ĐA (TẦNG)
1	MÁI CHE CỘT BƠM	M2	243.0	26.4	2
2	NHÀ ĐIỀU HÀNH BÁN HÀNG	M2	109.9	12.0	
3	NHÀ VỆ SINH	M2	20.0	2.2	
4	KHU BỂ CHỨA XĂNG DẦU	M2	30.0	3.3	
5	BỂ CÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	M2	9.0	1.0	
6	BỂ NƯỚC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	M2	9.0	1.0	
7	BỂ XỬ LÝ XĂNG DẦU	M2	6.0	0.7	
8	CÂY XANH	M2	71.2	7.7	
9	SÂN BÃI BÊ TÔNG	M2	421.5	45.8	
TỔNG			919.6	100.0	

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
 CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
 BẢN VẼ QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT - GIAO THÔNG - CẤP ĐIỆN - THÔNG TIN LIÊN LẠC; TỶ LỆ 1/500



CHÚ THÍCH:

- ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN 0.4KV
- ĐƯỜNG DÂY CÁP THÔNG TIN



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH
 KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 195/QĐ-UBND NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2021

(Signature and Seal of Ủy ban Nhân dân Huyện Bồ Trạch)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG HUYỆN
 KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 118/TĐ-KTHT NGÀY 27 THÁNG 4 NĂM 2021

(Signature)

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH TMTH XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
 KÈM THEO TỜ TRÌNH 32/TTR-CTY NGÀY 23 THÁNG 3 NĂM 2021

(Signature: Cao Bảo Ngọc)

TÊN QUY HOẠCH:
 QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
 CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG

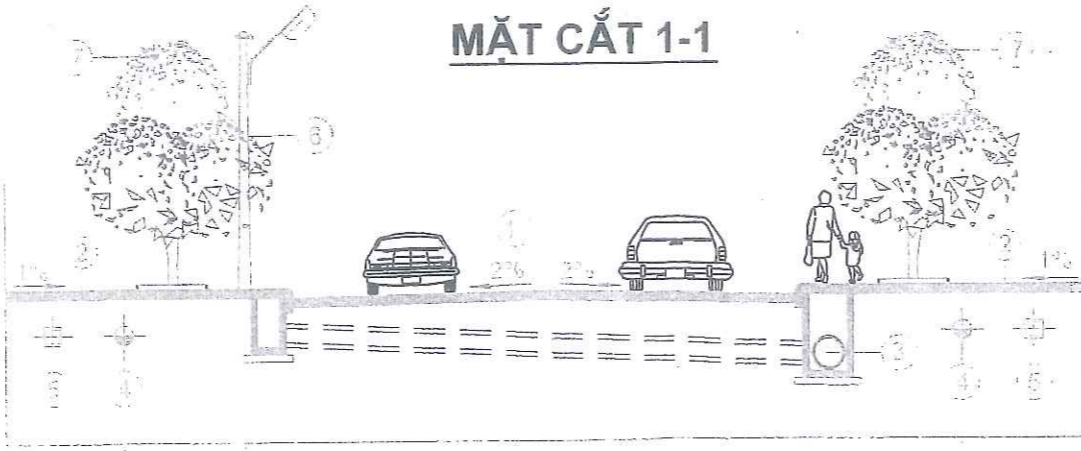
TÊN BẢN VẼ: **BẢN VẼ QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 CẤP ĐIỆN, THÔNG TIN LIÊN LẠC**

BẢN VẼ: QH-01	A3	TỶ LỆ: 1/500	HT-KT: 02-2021
THIẾT KẾ	KTS. PHAN ĐÌNH PHONG		
QL. KỸ THUẬT	THS.KS. LÊ HÀ PHƯƠNG		
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ	(KTS) NGUYỄN XUÂN DU		
GIÁM ĐỐC	MIỄN TRUNG		THS.KS. LÊ HÀ PHƯƠNG

GHI CHÚ :

- ① MÁI CHE CỘT BƠM
- ② NHÀ ĐIỀU HÀNH BÁN HÀNG
- ③ NHÀ VỆ SINH
- ④ KHU BỂ CHỨA XĂNG DẦU
- ⑤ BỂ CÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
- ⑥ BỂ NƯỚC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
- ⑦ BỂ XỬ LÝ NHIỄM XĂNG DẦU
- ⑧ ĐẤT CÂY XANH
- ⑨ SÂN BÃI BÊ TÔNG

MẶT CẮT 1-1

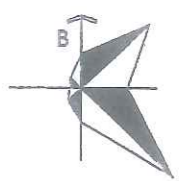


GHI CHÚ:

- ① MẶT ĐƯỜNG
 - ② VÍA HÈ
 - ③ CỐNG THOÁT NƯỚC
 - ④ ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC
 - ⑤ CÁP THÔNG TIN
 - ⑥ CỘT ĐIỆN
 - ⑦ CÂY XANH
- KÍCH THƯỚC ĐƠN VỊ LÀ MM

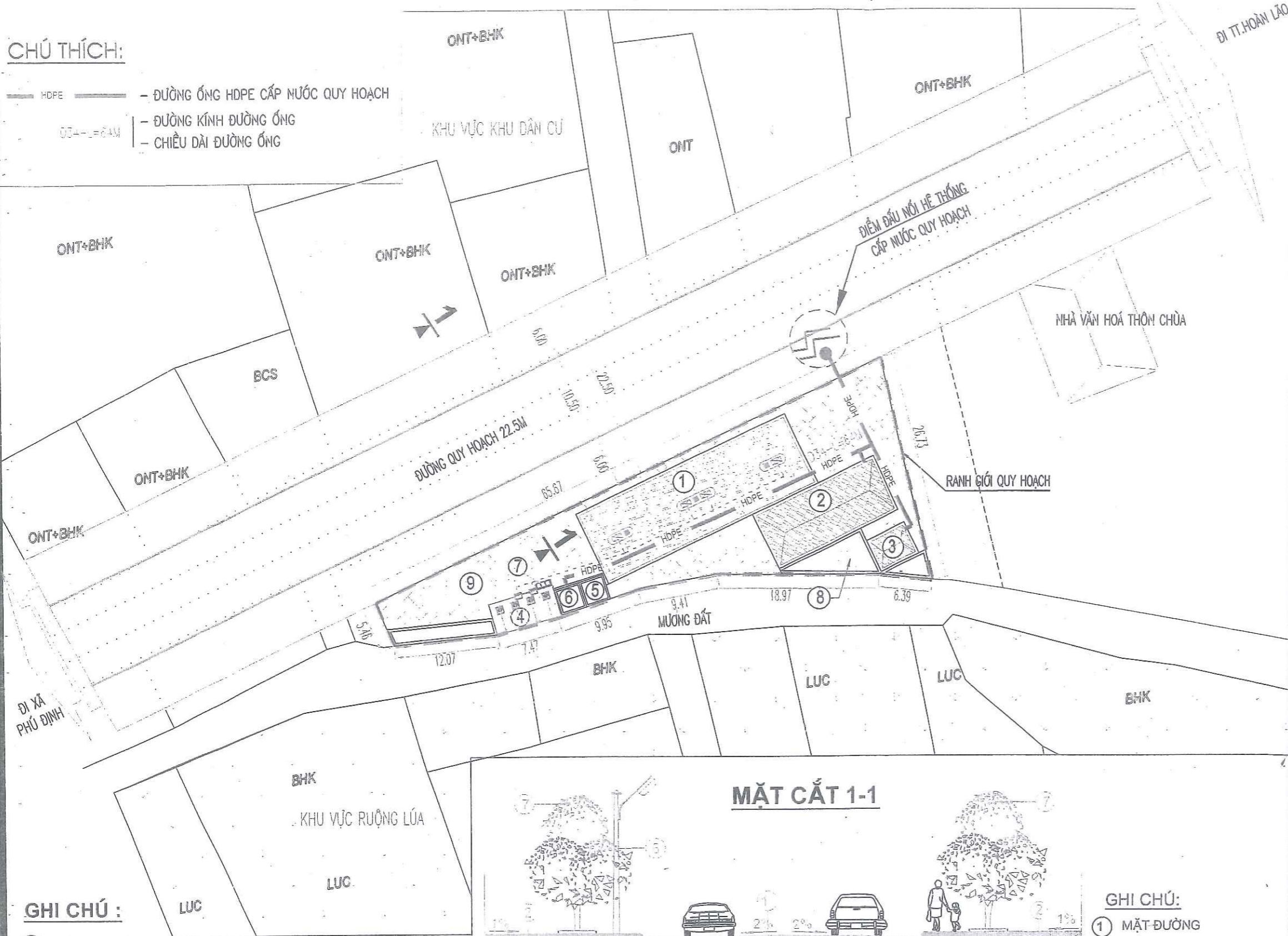
MIỄN TRUNG
 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN GIAO THÔNG
 ĐỊA CHỈ: 08 LƯƠNG ĐÌNH CỬA, TP. ĐỒNG HỚI, T. QUẢNG BÌNH.
 TEL: 0988.088.788 - EMAIL: TVGTMIENTRUNG@GMAIL.COM

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
 CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
 BẢN VẼ QUY HOẠCH CẤP NƯỚC; TỶ LỆ 1/500



CHÚ THÍCH:

- HDPE - ĐƯỜNG ỐNG HDPE CẤP NƯỚC QUY HOẠCH
- ĐƯỜNG KÍNH ĐƯỜNG ỐNG
- CHIỀU DÀI ĐƯỜNG ỐNG



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH
 KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 327/QĐ-UBND NGÀY 23 THÁNG 4 NĂM 2021

 PHÓ CHỦ TỊCH
 Hà Văn Trung

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG HUYỆN
 KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 118/TĐ-KTHT NGÀY 27 THÁNG 4 NĂM 2021

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH TMTH XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
 KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 32/TĐ-CTY NGÀY 23 THÁNG 3 NĂM 2021

 Cao Bảo Ngọc

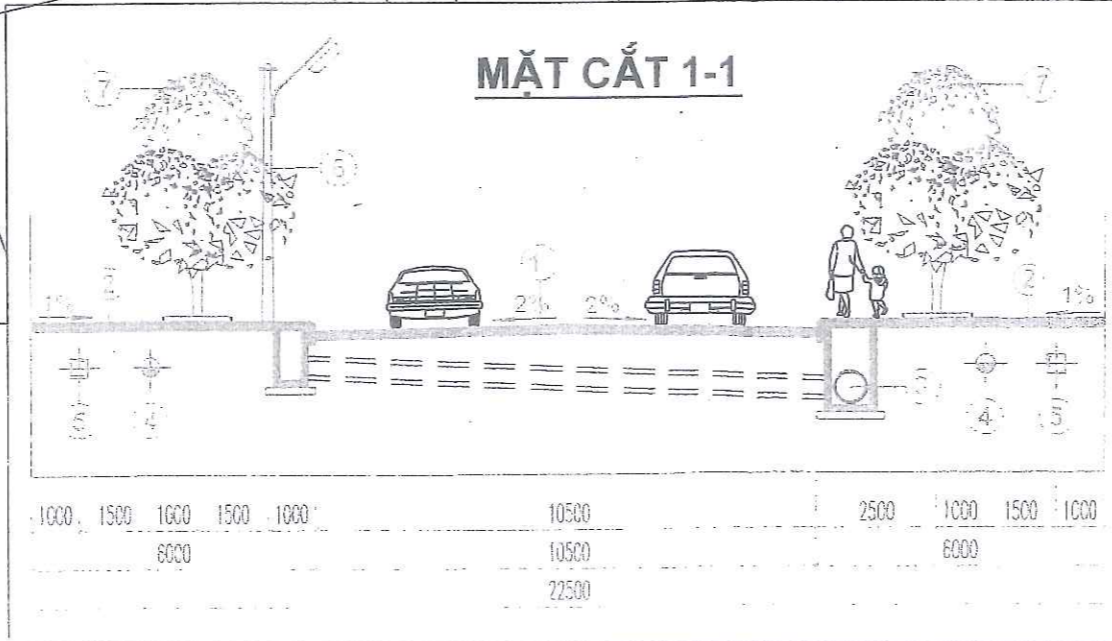
TÊN QUY HOẠCH:
 QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
 CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN VẼ QUY HOẠCH CẤP NƯỚC

BẢN VẼ: QH - 01	A3	TỶ LỆ: 1/500	HT-KT: 02-2021
THIẾT KẾ	KTS. PHAN ĐÌNH PHONG		
Q.L. KỸ THUẬT	KTS. LÊ HÀ PHƯƠNG		
CHỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ	KTS. NGUYỄN XUÂN DU		
GIÁM ĐỌC	KTS. NGUYỄN VĂN GIAO THÔNG		
			THS.KS. LÊ HÀ PHƯƠNG

GHI CHÚ :

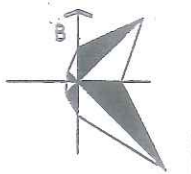
- ① MÁI CHE CỘT BƠM
- ② NHÀ ĐIỀU HÀNH BÁN HÀNG
- ③ NHÀ VỆ SINH
- ④ KHU BỂ CHỨA XĂNG DẦU
- ⑤ BỂ CÁT PHÒNG CHÁY CHỨA CHÁY
- ⑥ BỂ NƯỚC PHÒNG CHÁY CHỨA CHÁY
- ⑦ BỂ XỬ LÝ NHIỄM XĂNG DẦU
- ⑧ ĐẤT CÂY XANH
- ⑨ SÂN BÃI BÊ TÔNG



GHI CHÚ:

- ① MẶT ĐƯỜNG
 - ② VÍA HÈ
 - ③ CỐNG THOÁT NƯỚC
 - ④ ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC
 - ⑤ CÁP THÔNG TIN
 - ⑥ CỘT ĐIỆN
 - ⑦ CÂY XANH
- KÍCH THƯỚC ĐƠN VỊ LÀ MM

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
BẢN VẼ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC; TỶ LỆ 1/500



CHÚ THÍCH:

- RÀNH THOÁT NƯỚC QUY HOẠCH
- HƯỚNG THOÁT NƯỚC
- KÍCH THƯỚC RÀNH ĐẬY NẮP ĐƠN
- ĐỘ DỐC TRUNG BÌNH
- TỔNG CHIỀU DÀI RÀNH THOÁT NƯỚC QUY HOẠCH: 72M



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ... NGÀY... THÁNG... NĂM 2021
CHỦ TỊCH
Đinh Trung

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG HUYỆN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ... NGÀY... THÁNG... NĂM 2021
Nguyễn Minh

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH TMTX XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ... NGÀY... THÁNG... NĂM 2021
Bao Bảo Ngọc

TÊN QUY HOẠCH:
QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN VẼ QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC

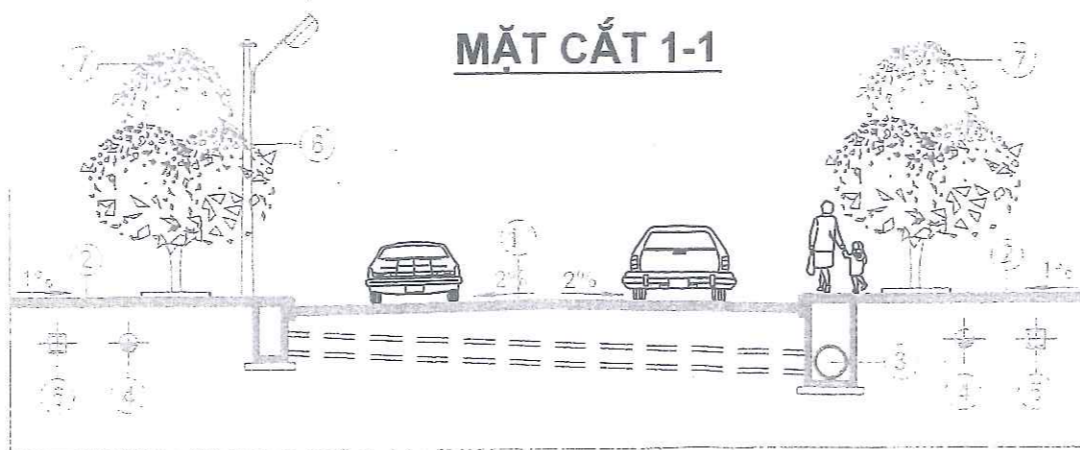
BẢN VẼ: QH-01	A3	TỶ LỆ: 1/500	HT-KT: 02-2021
THIẾT KẾ	KTS. PHAN ĐÌNH PHONG		
QL. KỸ THUẬT	THS.KS. LÊ HÀ PHƯƠNG		
CHỦ TRÌ+CHỈ DẪN	TU VẤN KTS. NGUYỄN VĂN ĐU		
GIÁM ĐỐC:	MIỄN TRUNG		THS.KS. LÊ HÀ PHƯƠNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN GIAO THÔNG
MIỄN TRUNG
ĐỊA CHỈ: 08 LƯƠNG ĐÌNH CỬA, TP. ĐỒNG HỚI, T. QUẢNG BÌNH.
TEL : 0988.088.788 - EMAIL: TVGMIENTRUNG@GMAIL.COM

GHI CHÚ :

- ① MÁI CHE CỘT BƠM
- ② NHÀ ĐIỀU HÀNH BÁN HÀNG
- ③ NHÀ VỆ SINH
- ④ KHU BỂ CHỨA XĂNG DẦU
- ⑤ BỂ CÁT PHÒNG CHÁY CHỨA CHÁY
- ⑥ BỂ NƯỚC PHÒNG CHÁY CHỨA CHÁY
- ⑦ BỂ XỬ LÝ NHIỄM XĂNG DẦU
- ⑧ ĐẤT CÂY XANH
- ⑨ SÂN BÃI BÊ TÔNG

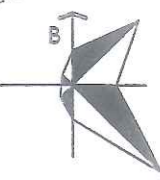
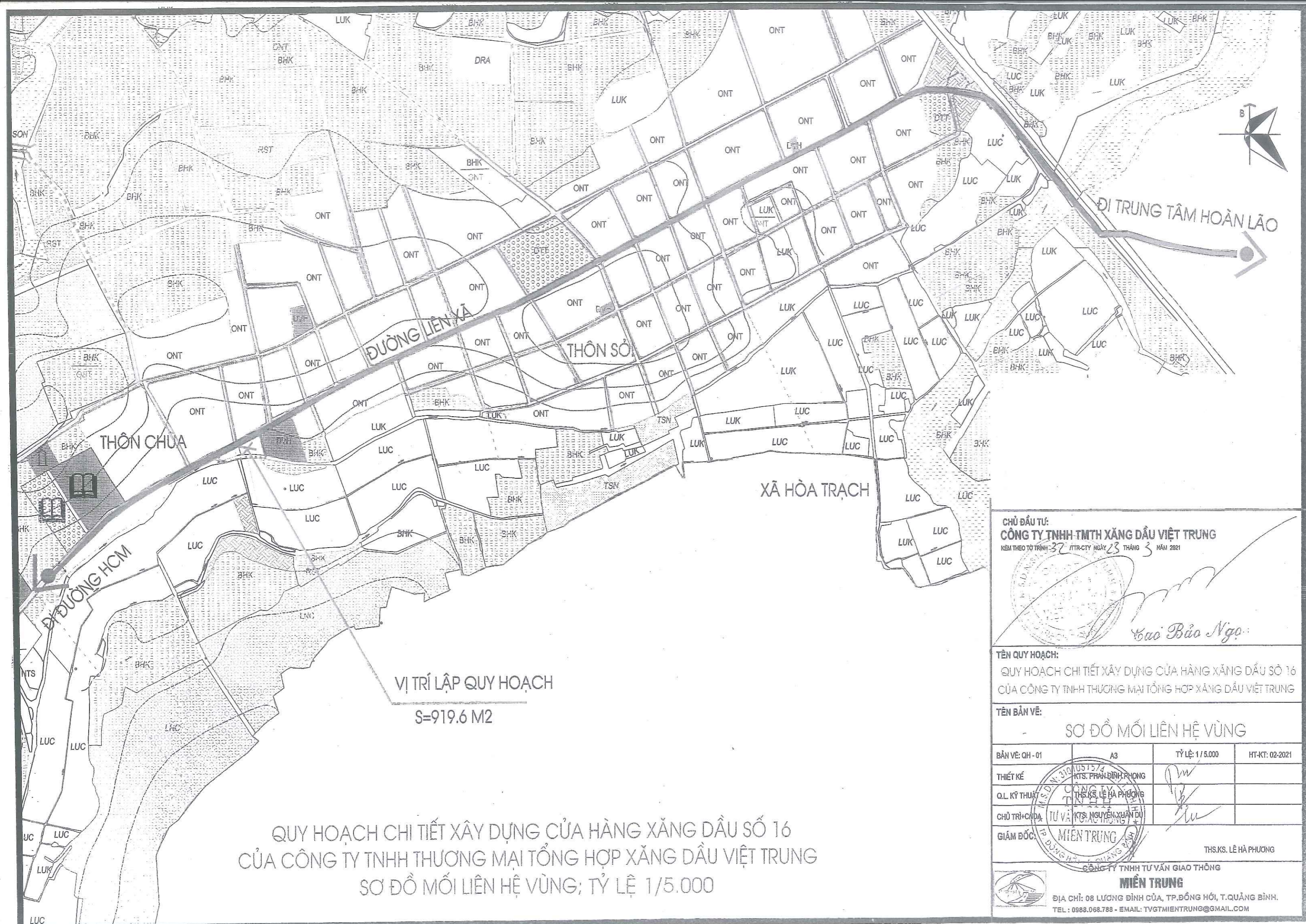
MẶT CẮT 1-1



GHI CHÚ:

- ① MẶT ĐƯỜNG
- ② VÍA HÈ
- ③ CỐNG THOÁT NƯỚC
- ④ ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC
- ⑤ CÁP THÔNG TIN
- ⑥ CỘT ĐIỆN
- ⑦ CÂY XANH
- KÍCH THƯỚC ĐƠN VỊ LÀ MM

1000	1500	1000	1500	1000	10500	2500	1000	1500	1000
					6000				6000
					22500				



CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH TMTH XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
 KÈM THEO TỜ TRÌNH 37 /TR-CITY NGÀY 23 THÁNG 3 NĂM 2021

Trần Bảo Ngọc

TÊN QUY HOẠCH:
 QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CỦA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
 CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG

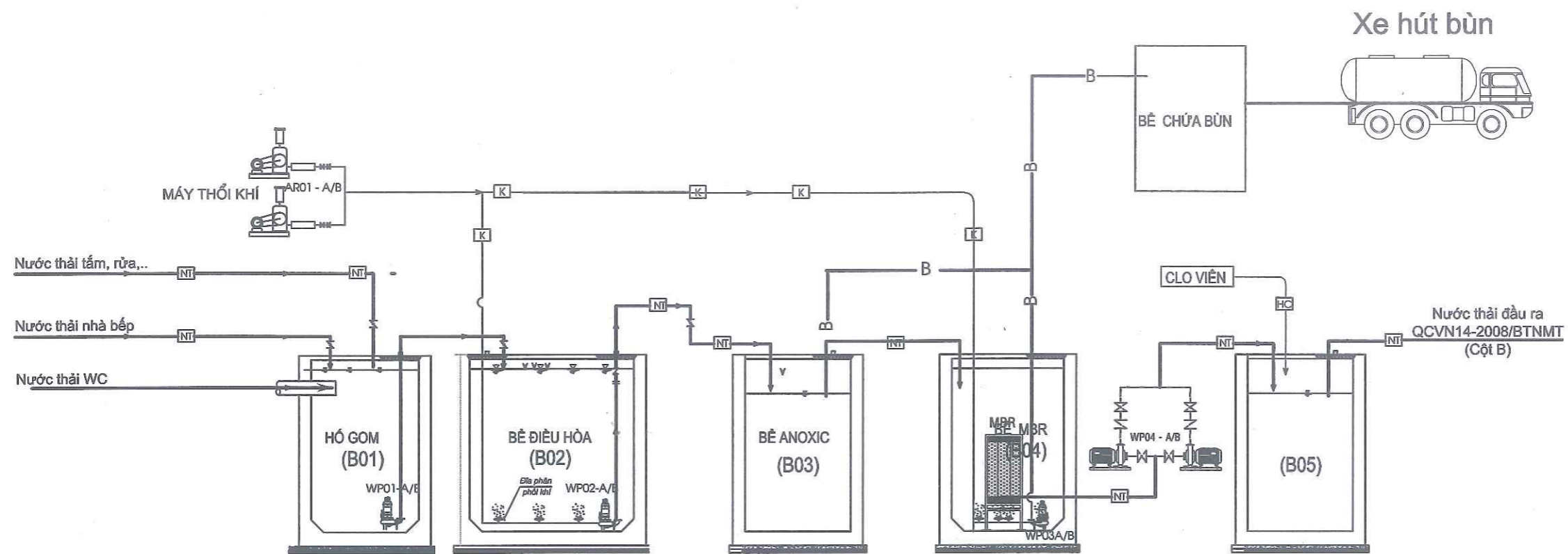
TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÙNG

BẢN VẼ: QH - 01	A3	TỶ LỆ: 1/5.000	HT-KT: 02-2021
THIẾT KẾ	TS. PHAN ĐÌNH PHONG	<i>[Signature]</i>	
Q.L. KỸ THUẬT	THS. K.S. LÊ HÀ PHƯƠNG	<i>[Signature]</i>	
CHỦ TRÌ: CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CHỦ ĐẦU TƯ	KTS. NGUYỄN XUÂN ĐU	<i>[Signature]</i>	
GIÁM ĐỐC:	MIỄN TRUNG		THS.KS. LÊ HÀ PHƯƠNG

MIỄN TRUNG
 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN GIAO THÔNG
 ĐỊA CHỈ: 08 LƯƠNG ĐÌNH CỬA, TP. ĐỒNG HỚI, T. QUẢNG BÌNH.
 TEL : 0988.068.788 - EMAIL: TVGTMIENTRUNG@GMAIL.COM

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CỦA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
 CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG
 SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÙNG; TỶ LỆ 1/5.000

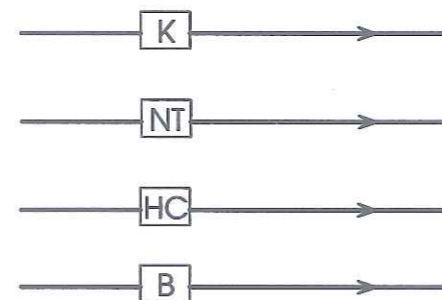
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ:

- B01. BỂ THU GOM
- B02. BỂ ĐIỀU HÒA
- B03. BỂ ANOXIC
- B04. BỂ MBR
- B05. BỂ KHỬ TRÙNG

- WP01 - A/B. BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
- WP02 - A/B. BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
- WP03 - A/B. BƠM NƯỚC THẢI TUẦN HOÀN
- WP04 - A/B. BƠM LỌC MÀNG MBR
- WP05 - A. BƠM RỬA MÀNG
- A. CỤM MÀNG LỌC
- AR01 - A/B. MÁY THỔI KHÍ CẠN
- ED. TỦ ĐIỆN



- ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ
- ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI
- ĐƯỜNG ỐNG HÓA CHẤT
- ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG

CÔNG TRÌNH

CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ TÂY TRẠCH, HUYỆN BỐ TRẠCH,
TỈNH QUẢNG BÌNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

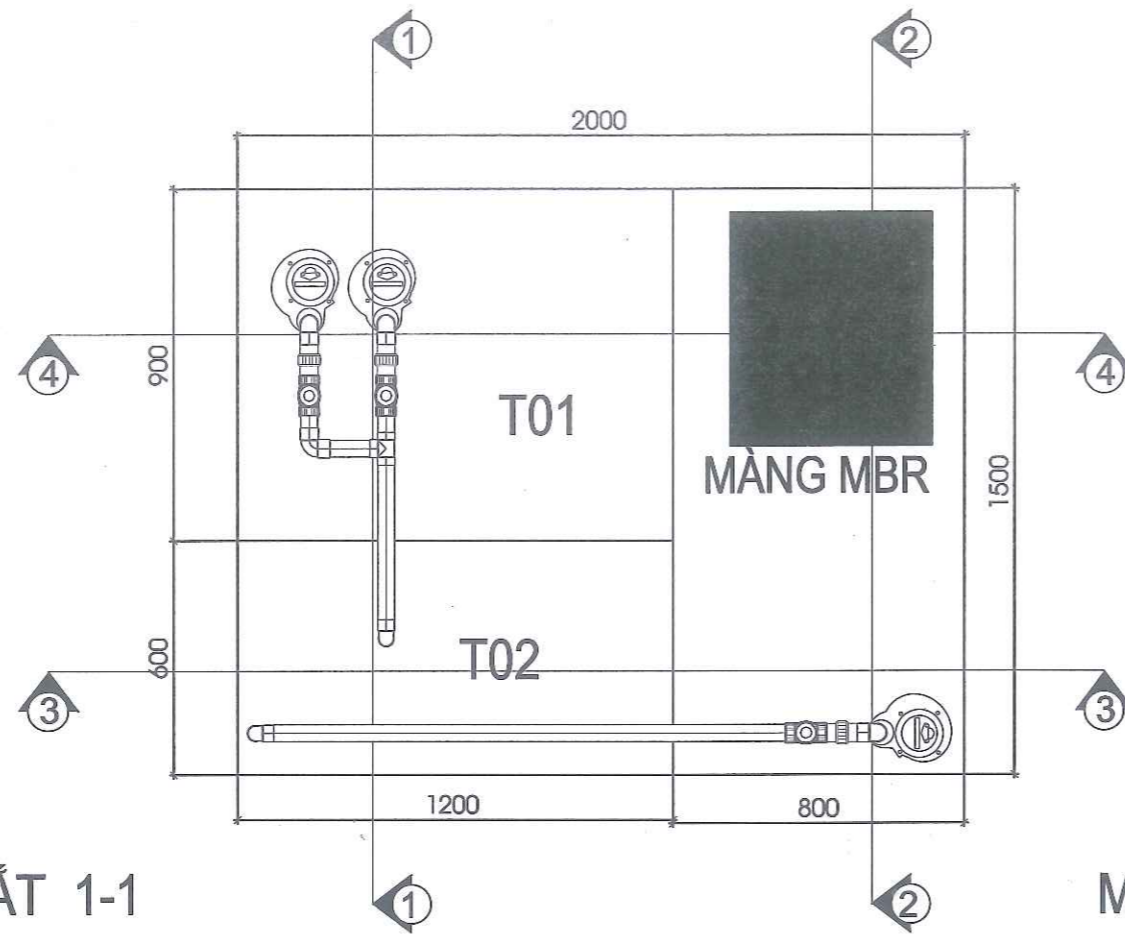
Lê Thành Linh

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 5M3/NG.Đ

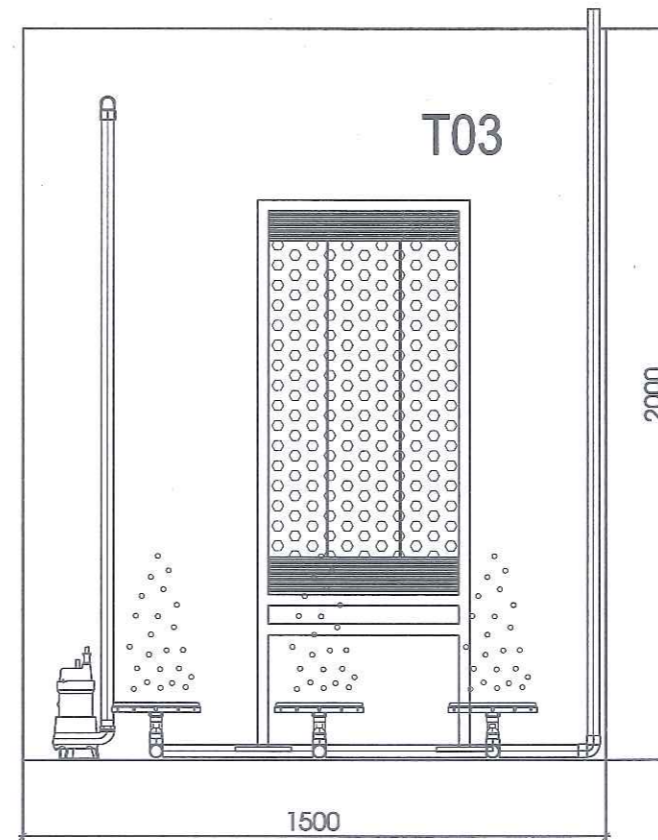
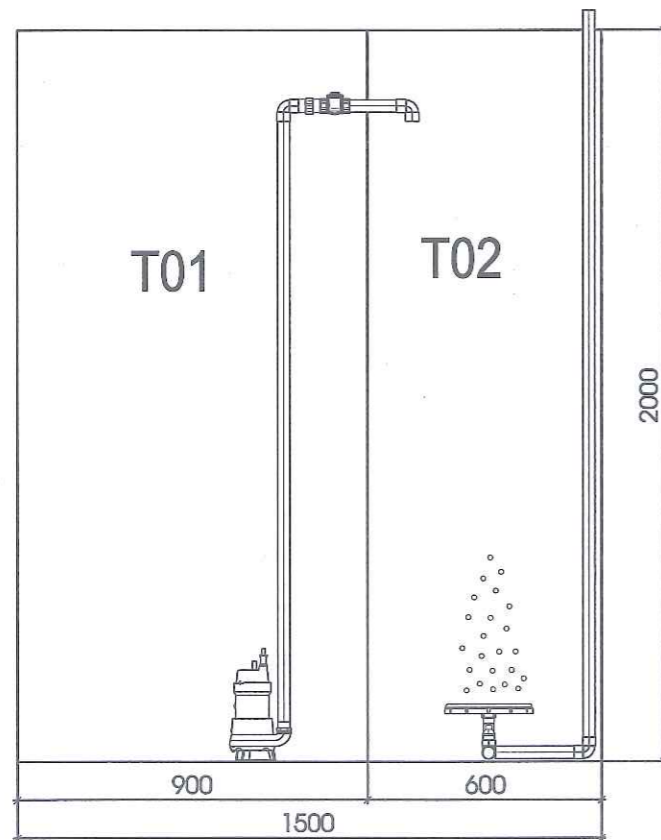
NGÀY HOÀN THÀNH TỈ LỆ BẢN VẼ SỐ: 01

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 5M³/NG.Đ



MẶT CẮT 1-1

MẶT CẮT 2-2



GHI CHÚ:

- T01 : BỂ ĐIỀU HÒA
- T02 : BỂ ANOXIC
- T03 : BỂ MBR&AEROTEN

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG

CÔNG TRÌNH
CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ TÂY TRẠCH, HUYỆN BỐ TRẠCH,
TỈNH QUẢNG BÌNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

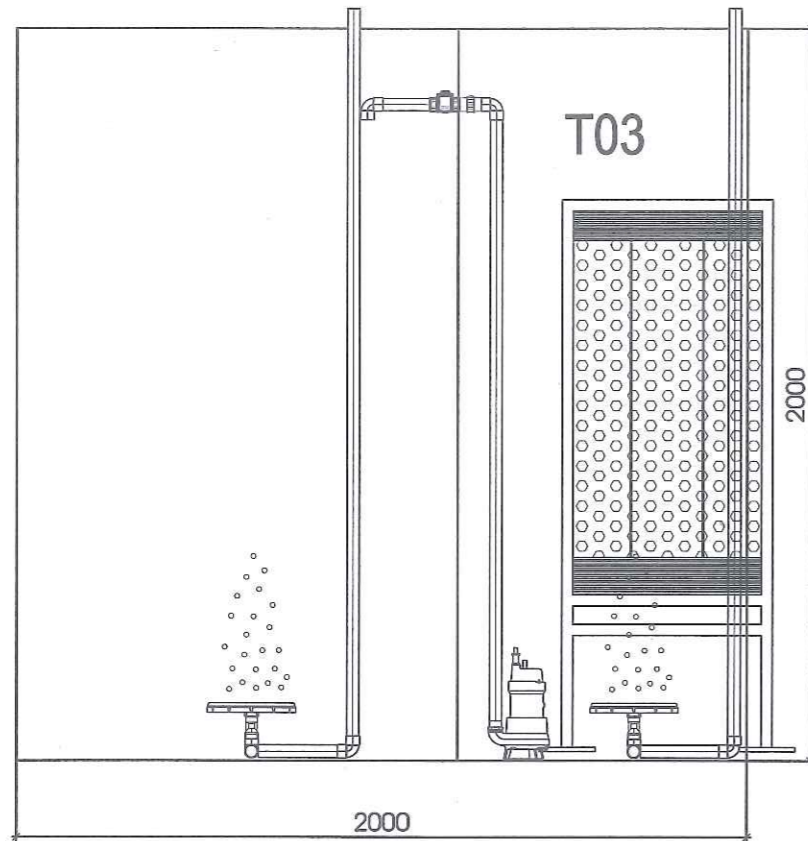
Lê Thành Linh

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC
THẢI CÔNG SUẤT 5M³/NG.Đ

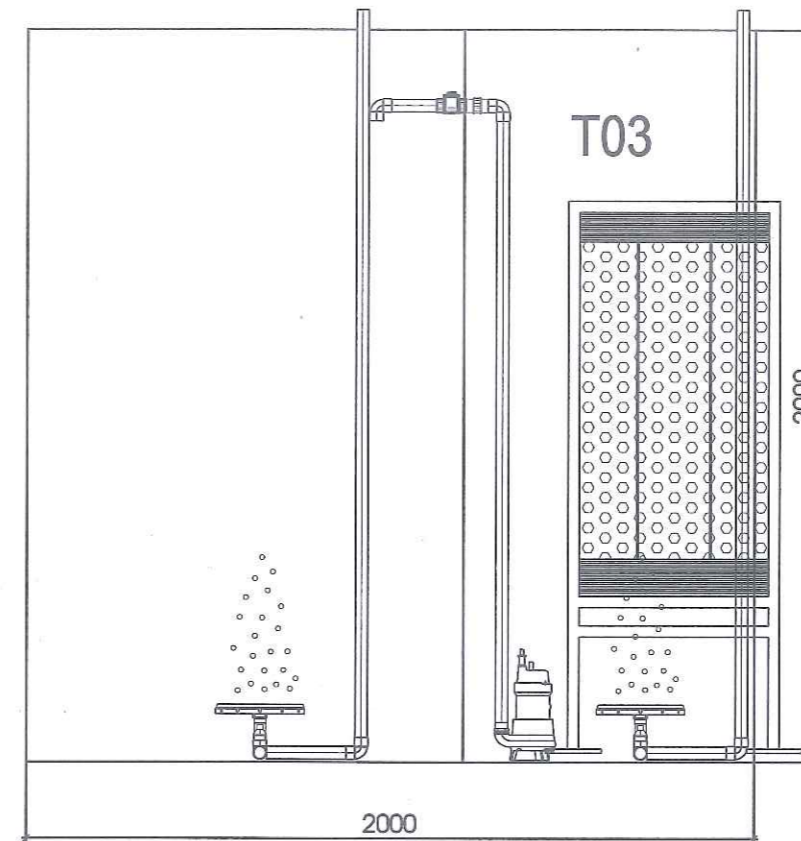
NGÀY HOÀN THÀNH TỈ LỆ BẢN VẼ SỐ: 02

MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 5M3/NG.Đ

MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4



GHI CHÚ:

- T01 : BỂ ĐIỀU HÒA
- T02 : BỂ ANOXIC
- T03 : BỂ MBR&AEROTEN

CHỦ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
TỔNG HỢP XĂNG DẦU VIỆT TRUNG**

CÔNG TRÌNH

CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

**XÃ TÂY TRẠCH, HUYỆN BỐ TRẠCH,
TỈNH QUẢNG BÌNH**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG**

GIÁM ĐỐC

Lê Thành Linh

TÊN BẢN VẼ

**MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 5M3/NG.Đ**

NGÀY HOÀN THÀNH TỈ LỆ BẢN VẼ SỐ: 03